

Số: 522 /QĐ-VKHTSVN

Bắc Ninh, ngày 10 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ

GIÁM ĐỐC VIỆN KHOA HỌC THỦY SẢN VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 5766/QĐ-BNNMT ngày 29/12/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Khoa học Thủy sản Việt Nam;

Căn cứ công văn số 2374/BGDĐT-GDDH, ngày 06/5/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thay đổi tên đơn vị và mã tuyển sinh của Viện Khoa học Thủy sản Việt Nam sau hợp nhất;

Căn cứ Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ; Theo đề nghị của Trưởng phòng Khoa học, Hợp tác quốc tế, Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Viện Khoa học Thủy sản Việt Nam.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng các phòng: Tổ chức, Hành chính, Tổng hợp; Khoa học, Hợp tác quốc tế, Đào tạo; Thủ trưởng các Trung tâm trực thuộc Viện, các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Giám đốc Viện (b/c);
- Ban Giám đốc Viện;
- Các đơn vị trực thuộc Viện;
- Đảng ủy Viện;
- Lưu VT, KHHTQTĐT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Võ Văn Nha

QUY CHẾ

Tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Viện Khoa học Thủy sản Việt Nam

*(Kèm theo Quyết định số 522/QĐ-VKHTSVN, ngày 10 tháng 06 năm 2026 của
Giám đốc Viện Khoa học Thủy sản Việt Nam)*

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về tổ chức và quản lý đào tạo trình độ Tiến sĩ tại Viện Khoa học Thủy sản Việt Nam (sau đây viết tắt là Viện KHTSVN) bao gồm: tuyển sinh; chương trình đào tạo; tổ chức và quản lý đào tạo; công nhận học vị và cấp bằng tiến sĩ; nghĩa vụ và quyền lợi của giảng viên và nghiên cứu sinh; thanh tra, kiểm tra, giải quyết và xử lý vi phạm.

2. Quy chế này được xây dựng trên cơ sở cụ thể hóa các quy định thuộc “Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ” ban hành theo Thông tư số 18/2021/BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây viết tắt là Thông tư 18). Những vấn đề không được đề cập đến trong quy chế này sẽ được thực hiện theo Thông tư 18.

3. Quy định này được áp dụng đối với các cá nhân và đơn vị tham gia vào quá trình đào tạo trình độ Tiến sĩ tại Viện KHTSVN.

Đơn vị quản lý đào tạo: Phòng Khoa học, Hợp tác quốc tế, Đào tạo (sau đây gọi tắt là Bộ phận đào tạo, Phòng KH-HTQT-ĐT).

Đơn vị chuyên môn: là các Trung tâm trực thuộc Viện KHTSVN, có ít nhất 01 nhân sự có trình độ Tiến sĩ công tác, nơi các nghiên cứu sinh triển khai nghiên cứu, thực hiện luận án Tiến sĩ (*Danh sách đơn vị chuyên môn tại Phụ lục 5*).

Đơn vị chuyên môn phối hợp: các đơn vị/cơ sở nghiên cứu không trực thuộc Viện KHTSVN nơi các nghiên cứu sinh triển khai nghiên cứu, thực hiện luận án Tiến sĩ.

4. Quy định này không áp dụng đối với các chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp bằng (bao gồm cả các chương trình liên kết

đào tạo với nước ngoài theo quy định về hợp tác và đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục).

Điều 2. Chương trình đào tạo

1. Chương trình đào tạo Tiến sĩ do Viện Khoa học Thủy sản Việt Nam xây dựng, thẩm định và ban hành theo quy định hiện hành, đáp ứng các điều kiện sau:

a) Khối lượng học tập tối thiểu 90 tín chỉ đối với nghiên cứu sinh đã có bằng thạc sĩ;

b) Chuẩn đầu ra bao gồm kiến thức thực tế và kiến thức lý thuyết; kỹ năng nhận thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp và kỹ năng giao tiếp, ứng xử; mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân trong việc áp dụng kiến thức, kỹ năng để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn của người tốt nghiệp trình độ tiến sĩ phải đạt Bậc 8 của Khung trình độ quốc gia Việt Nam được phê duyệt tại Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi là Khung trình độ quốc gia).

2. Kết cấu chương trình đào tạo bao gồm: các học phần bổ sung, các học phần ở trình độ tiến sĩ và luận án tiến sĩ.

3. Các học phần bổ sung nhằm hỗ trợ nghiên cứu sinh có đủ kiến thức và trình độ chuyên môn để thực hiện đề tài nghiên cứu:

- Đối với NCS đã có bằng thạc sĩ ngành đúng không cần học các học phần bổ sung, chuyển đổi.

- Đối với NCS đã có bằng thạc sĩ ngành gần với chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ, NCS phải hoàn thành tối thiểu 06 tín chỉ các học phần bổ sung, chuyển đổi thuộc các học phần ở trình độ thạc sĩ thuộc ngành, chuyên ngành tương ứng.

- Đối với NCS đã có bằng thạc sĩ ngành khác nhưng có cùng lĩnh vực đào tạo trong danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV, NCS phải học bổ sung những học phần cần thiết (không quá 30 tín chỉ) ở trong hoặc ngoài đơn vị đào tạo giúp NCS có đủ kiến thức và trình độ chuyên môn thực hiện luận án.

- Giám đốc Viện xem xét, quyết định các học phần bổ sung và tổng số tín chỉ của các học phần bổ sung đối với từng trường hợp cụ thể trên cơ sở căn cứ vào các học phần đã tích lũy trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, đại học, hướng nghiên cứu của nghiên cứu sinh và đề nghị của hội đồng tuyển sinh.

- Kinh phí học bổ sung do nghiên cứu sinh tự chi trả cho đơn vị đào tạo theo định mức như các học phần trong chương trình đào tạo.

4. Các học phần ở trình độ tiến sĩ (bao gồm các học phần bắt buộc và tự chọn) nhằm nâng cao trình độ lý luận ngành hoặc chuyên ngành (sau đây gọi chung

là ngành), phương pháp nghiên cứu và khả năng ứng dụng các phương pháp nghiên cứu, trong đó:

a) Tiểu luận tổng quan yêu cầu nghiên cứu sinh thể hiện khả năng phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu trong nước và quốc tế liên quan trực tiếp đến đề tài nghiên cứu, từ đó rút ra mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án tiến sĩ;

b) Các chuyên đề tiến sĩ yêu cầu nghiên cứu sinh nâng cao năng lực nghiên cứu và tự nghiên cứu, cập nhật kiến thức mới liên quan trực tiếp đến đề tài nghiên cứu của luận án tiến sĩ.

c) Mỗi nghiên cứu sinh phải hoàn thành từ 08 học phần đến 10 học phần ở trình độ tiến sĩ với khối lượng từ 16 tín chỉ đến 20 tín chỉ, trong đó bao gồm 05 học phần đến 07 học phần ở trình độ tiến sĩ với khối lượng từ 10 tín chỉ đến 14 tín chỉ (bắt buộc và tự chọn), tiểu luận tổng quan (bắt buộc, 02 tín chỉ) và 02 chuyên đề tiến sĩ (bắt buộc, 02 tín chỉ/chuyên đề).

5. Luận án Tiến sĩ là kết quả nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh, trong đó chứa đựng những đóng góp mới về mặt lý luận và thực tiễn ở lĩnh vực chuyên môn, có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học và giải quyết trọn vẹn vấn đề đặt ra của đề tài luận án.

6. Trong trường hợp cần thiết, Viện KHTSVN sẽ sử dụng chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ của cơ sở đào tạo nước ngoài đã được kiểm định và công nhận về chất lượng theo quy định.

Điều 3. Thời gian và hình thức đào tạo

1. Thời gian đào tạo tiêu chuẩn của trình độ tiến sĩ đối với NCS có bằng thạc sĩ là 03 năm (36 tháng); bảo đảm phần lớn NCS hoàn thành chương trình đào tạo trong thời gian này; mỗi NCS có một kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa nằm trong khung thời gian đào tạo tiêu chuẩn được phê duyệt kèm theo quyết định công nhận NCS.

2. Nghiên cứu sinh được phép hoàn thành chương trình đào tạo sớm hơn so với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa không quá 01 năm (12 tháng), hoặc chậm hơn so với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa nhưng tổng thời gian đào tạo không vượt quá 06 năm (72 tháng) tính từ ngày quyết định công nhận NCS có hiệu lực đến thời điểm hoàn thành các thủ tục trình luận án cho Bộ phận đào tạo, Phòng KH-HTQT-ĐT, trước khi thực hiện quy trình phản biện độc lập và thành lập Hội đồng đánh giá luận án của Viện.

3. Đào tạo trình độ tiến sĩ được thực hiện theo hình thức chính quy; NCS phải dành đủ thời gian học tập, nghiên cứu tại cơ sở đào tạo theo kế hoạch đã được

phê duyệt; trong đó khi đăng ký đủ 30 tín chỉ trong một năm học được xác định là tập trung toàn thời gian.

4. Việc tổ chức dạy và học các phần học bổ sung, các học phần ở trình độ tiến sĩ được triển khai tại Viện KHTSVN, nơi nghiên cứu sinh đang theo học. Trong trường hợp Viện KHTSVN không đào tạo chương trình có học phần cần bổ sung cho nghiên cứu sinh thì gửi nghiên cứu sinh theo học ở các cơ sở đào tạo khác đã được phép đào tạo chương trình có học phần này theo thỏa thuận giữa Viện KHTSVN với cơ sở đào tạo mở học phần này.

Điều 4. Tiêu chuẩn của giảng viên giảng dạy trình độ Tiến sĩ

1. Giảng viên giảng dạy trình độ Tiến sĩ phải đáp ứng những yêu cầu sau:

a) Là công dân Việt Nam đáp ứng quy định tại Điều 29 Luật số 125/2025/QH15 Luật Giáo dục Đại học và những quy định pháp luật khác có liên quan;

b) Có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng Tiến sĩ khoa học, tiến sĩ trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp với học phần, môn học (sau đây gọi chung là học phần) đảm nhiệm trong chương trình đào tạo trình độ Tiến sĩ;

c) Có năng lực ngoại ngữ, ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác giảng dạy, nghiên cứu và triển khai những hoạt động trao đổi, hợp tác quốc tế về lĩnh vực chuyên môn đảm nhiệm trong chương trình đào tạo tiến sĩ.

2. Người chưa có chức danh giáo sư, phó giáo sư phải đáp ứng thêm những yêu cầu sau:

a) Có thời gian giảng dạy ở trình độ đại học hoặc thạc sĩ từ 01 năm (12 tháng) trở lên kể từ khi có bằng tiến sĩ;

b) Trong thời gian 05 năm (60 tháng) tính đến thời điểm được phân công giảng dạy có công bố liên quan đến chuyên môn giảng dạy với vai trò là tác giả đứng tên đầu hoặc tác giả liên hệ của 02 bài báo, báo cáo khoa học trong các ấn phẩm được tính tới 0,75 điểm trở lên theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định; hoặc là tác giả hoặc đồng tác giả của 01 sách chuyên khảo do các nhà xuất bản trong nước và quốc tế phát hành hoặc của 01 chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế phát hành (sau đây gọi chung là tác giả chính);

Điều 5. Tiêu chuẩn của người hướng dẫn nghiên cứu sinh

1. Người hướng dẫn chính, người hướng dẫn phụ và người hướng dẫn độc lập NCS phải đáp ứng các tiêu chuẩn của giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ theo quy định tại Điều 4 của Quy chế này.

2. Trong thời gian 05 năm (60 tháng) tính đến thời điểm có quyết định công nhận hướng dẫn NCS, người hướng dẫn chính, người hướng dẫn độc lập, người đồng hướng dẫn khi không phân biệt giữa hướng dẫn chính và hướng dẫn phụ phải có thêm kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực chuyên môn liên quan tới đề tài luận án hướng dẫn, cụ thể như sau:

a) Là tác giả chính của báo cáo hội nghị khoa học, bài báo khoa học được công bố trong các ấn phẩm thuộc danh mục Web of Science hoặc Scopus (sau đây gọi chung là danh mục WoS/Scopus) hoặc chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tới 0,75 điểm trở lên, hoặc sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín trong nước và quốc tế phát hành; các công bố phải đạt tổng điểm từ 4,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả);

b) Là tác giả hoặc đồng tác giả của ít nhất 01 kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ đã đăng ký và được cấp bằng độc quyền sáng chế quốc gia hoặc quốc tế.

3. Mỗi NCS có 01 hoặc 02 người hướng dẫn, trong đó có 01 người là cán bộ cơ hữu của Viện KHTSVN hoặc có hợp đồng giảng dạy, nghiên cứu khoa học với Viện KHTSVN theo quy định của pháp luật; làm việc theo chế độ trọn thời gian tại Viện KHTSVN với thời hạn của hợp đồng phù hợp với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa của nghiên cứu sinh. Trường hợp có hai người hướng dẫn, Viện KHTSVN quy định rõ vai trò, trách nhiệm của người hướng dẫn chính và người hướng dẫn phụ.

4. Giáo sư, Phó giáo sư có nhiều công trình nghiên cứu có giá trị, có nhiều kinh nghiệm trong hướng dẫn NCS có thể độc lập hướng dẫn NCS.

5. Viện KHTSVN khuyến khích mời các nhà khoa học là người Việt Nam ở nước ngoài hoặc người nước ngoài có đủ các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này tham gia hướng dẫn nghiên cứu sinh.

Điều 6. Quyền và trách nhiệm của giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ và người hướng dẫn nghiên cứu sinh

1. Giảng viên giảng dạy và người hướng dẫn NCS trình độ tiến sĩ thực hiện nhiệm vụ và quyền theo quy định tại Điều 29 Luật số 125/2025/QH15 Luật Giáo dục Đại học và những quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Tại cùng một thời điểm, người có chức danh giáo sư được hướng dẫn độc lập tối đa 07 NCS; người có chức danh phó giáo sư, hoặc có bằng tiến sĩ khoa học được hướng dẫn độc lập tối đa 05 NCS; người có bằng tiến sĩ được hướng dẫn độc

lập tối đa 03 NCS. Trường hợp đồng hướng dẫn 01 NCS được tính quy đổi tương đương hướng dẫn độc lập 0,5 NCS.

3. Người hướng dẫn nghiên cứu sinh có trách nhiệm:

a) Thông qua kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa và hàng năm của NCS; hướng dẫn, hỗ trợ, đánh giá, theo dõi và đôn đốc NCS thực hiện nhiệm vụ học tập và nghiên cứu theo kế hoạch đã thông qua;

b) Đề xuất hoặc có ý kiến về những thay đổi trong quá trình học tập, nghiên cứu của NCS;

c) Đề xuất để NCS được bảo vệ luận án tại Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở và cấp Viện;

d) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Viện KHTSVN.

CHƯƠNG II

TUYỂN SINH

Điều 7. Đối tượng và điều kiện dự tuyển

1. Yêu cầu chung đối với người dự tuyển:

a. Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành án hình sự, kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên;

b. Có đủ sức khỏe để học tập;

c. Có bằng tốt nghiệp thạc sĩ;

- Ngành tốt nghiệp thạc sĩ được coi là ngành đúng, ngành phù hợp với ngành xét tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ khi có cùng tên trong Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV hoặc chương trình đào tạo của hai ngành này ở trình độ thạc sĩ khác nhau dưới 10% tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành.

- Ngành tốt nghiệp thạc sĩ được coi là ngành gần với ngành xét tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ khi cùng nhóm ngành trong Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV hoặc chương trình đào tạo của hai ngành này ở trình độ thạc sĩ khác nhau từ 10% -40% tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành.

- Ngành tốt nghiệp thạc sĩ được coi là ngành khác với ngành xét tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ khi không cùng nhóm ngành trong Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV (trừ trường hợp đã được quy định tại mục ngành gần).

- Danh mục các ngành đúng, ngành gần được dự thi tuyển sinh vào từng ngành đào tạo trình độ Tiến sĩ được quy định trong chương trình đào tạo Tiến sĩ.

d. Đáp ứng yêu cầu đầu vào theo chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và của chương trình đào tạo tiến sĩ đăng ký dự tuyển;

e. Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ; hoặc bài báo, báo cáo khoa học đã công bố; hoặc có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, NCV của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ;

f. Có dự thảo đề cương nghiên cứu và dự kiến kế hoạch học tập nghiên cứu toàn khóa, trong đó đề cương nghiên cứu trình bày rõ ràng đề tài hoặc lĩnh vực nghiên cứu, lý do lựa chọn lĩnh vực nghiên cứu, mục tiêu và mong muốn đạt được, lý do lựa chọn cơ sở đào tạo; kế hoạch thực hiện trong từng thời kỳ của thời gian đào tạo; những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết cũng như những chuẩn bị của thí sinh trong vấn đề hay lĩnh vực dự định nghiên cứu; dự kiến việc làm sau khi tốt nghiệp; đề xuất người hướng dẫn;

g. Có thư giới thiệu của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc học vị Tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với thí sinh và am hiểu lĩnh vực chuyên môn mà người dự tuyển dự định nghiên cứu. Thư giới thiệu phải có những nhận xét, đánh giá người dự tuyển về:

- Phẩm chất đạo đức, năng lực và thái độ nghiên cứu khoa học, trình độ chuyên môn của người dự tuyển;

- Những nhận xét khác và mức độ ủng hộ, giới thiệu thí sinh làm nghiên cứu sinh;

h. Cam kết thực hiện các nghĩa vụ đối với quá trình đào tạo theo quy định của Viện KHTSVN.

2. Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

a) Bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ do cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học các ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

c) Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quy định tại Phụ lục 2 của Quy chế này còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương trình độ bậc 4 (theo khung năng ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố.

3. Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài và phải đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai do cơ sở đào tạo quyết định, trừ trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

4. Về kinh nghiệm làm việc: phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực chuyên môn đăng ký dự tuyển, kể từ khi tốt nghiệp thạc sĩ (tính từ ngày ký quyết định công nhận tốt nghiệp) đến ngày đăng ký dự tuyển;

Điều 8. Phương thức và thời gian tuyển sinh

1. Thời gian tuyển sinh: Việc tuyển sinh NCS hàng năm được thực hiện nhiều lần. Viện KHTSVN nhận hồ sơ liên tục và tổ chức xét tuyển định kỳ 3 tháng/lần cho đến khi tuyển đủ chỉ tiêu tuyển sinh trong năm. Trường hợp cần thiết Viện có thể thông báo tuyển sinh bổ sung theo quyết định của Giám đốc Viện.

2. Hình thức tuyển sinh: xét tuyển trực tiếp; trong trường hợp bất khả kháng do ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh thì có thể tổ chức xét tuyển trực tuyến khi đáp ứng những điều kiện đảm bảo chất lượng như đối với xét tuyển trực tiếp.

3. Chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm từ 5- 15 nghiên cứu sinh do Giám đốc Viện Viện KHTSVN quyết định căn cứ trên cơ sở năng lực chuyên môn, yêu cầu nghiên cứu, cơ sở vật chất... của chuyên ngành tuyển sinh. Chỉ tiêu tuyển sinh của năm nào được thực hiện trong năm đó, không chuyển sang năm sau.

Điều 9. Hồ sơ dự tuyển

1. Hồ sơ dự tuyển bao gồm:

- a) Đơn xin dự tuyển (01 bản chính theo mẫu);
- b) Bằng tốt nghiệp thạc sĩ (01 bản sao có chứng thực);
- c) Bảng điểm thạc sĩ (01 bản sao có chứng thực);
- d) Lý lịch khoa học (01 bản chính theo mẫu);
- e) Căn cước công dân/căn cước (01 bản sao);
- f) Giấy khai sinh (01 bản sao);
- g) Chứng chỉ ngoại ngữ (01 bản sao có chứng thực);

h) Minh chứng kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ; hoặc bài báo, báo cáo khoa học đã công bố; hoặc có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, NCV của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ;

- i) Đề cương nghiên cứu;

j) Thư giới thiệu đánh giá phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và khả năng thực hiện nghiên cứu của người dự tuyển của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu (theo mẫu);

k) Công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định hiện hành về việc đào tạo và bồi dưỡng công chức, viên chức (nếu người dự tuyển là công chức, viên chức);

l) 04 ảnh 3x4 mới nhất;

2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Điều 10. Thông báo tuyển sinh

1. Thông báo tuyển sinh được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Viện KHTSVN (www.vafis.net) trước khi tổ chức xét tuyển ít nhất 30 ngày làm việc, trong đó bao gồm các thông tin về:

a) Đối tượng và điều kiện dự tuyển;

b) Danh mục ngành phù hợp được xét tuyển đối với từng ngành đào tạo trình độ tiến sĩ; danh sách người hướng dẫn đáp ứng theo quy định tại Điều 5 của Quy chế này;

c) Chỉ tiêu xét tuyển;

d) Hồ sơ dự tuyển theo quy định tại Điều 9 Quy chế này và thời gian nhận hồ sơ, lệ phí dự tuyển;

e) Kế hoạch và phương thức tuyển sinh, thời gian công bố kết quả trúng tuyển và thời gian nhập học;

f) Học phí và các chính sách học phí của Viện đối với NCS trong quá trình học tập (nếu có);

2. Nội dung thông báo tuyển sinh đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành và phù hợp với Quy chế tuyển sinh của Viện KHTSVN.

Điều 11. Hội đồng tuyển sinh, ban thư ký, tiểu ban chuyên môn

1. Giám đốc Viện ra quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh gồm Chủ tịch, Ủy viên thường trực và các ủy viên. Chủ tịch: Giám đốc Viện hoặc Phó Giám đốc Viện được Giám đốc Viện Viện KHTSVN uỷ quyền. Ủy viên thường trực: Trưởng phòng hoặc Phó trưởng phòng Khoa học, Hợp tác quốc tế, Đào tạo; Các ủy viên: Chuyên gia các chuyên ngành có thí sinh đăng ký dự tuyển.

2. Trách nhiệm và quyền hạn của Hội đồng tuyển sinh

a) Phổ biến, hướng dẫn, tổ chức thực hiện các quy định về tuyển sinh quy định tại Chương II của Quy định này;

b) Quyết định và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Viện KHTSVN toàn bộ các mặt công tác liên quan đến tuyển sinh theo quy định tại Chương II của Quy chế này; đảm bảo quá trình tuyển chọn được công khai, minh bạch, có trách nhiệm trước xã hội, chọn được thí sinh có động lực, năng lực, triển vọng nghiên cứu và khả năng hoàn thành tốt đề tài nghiên cứu, theo kế hoạch chỉ tiêu đào tạo và các hướng nghiên cứu của Viện KHTSVN;

c) Quyết định thành lập các ban giúp việc cho Hội đồng tuyển sinh bao gồm Ban Thư ký và các Tiểu ban chuyên môn. Các ban này chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh.

3. Trách nhiệm và quyền hạn của ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh

a) Nhận và xử lý hồ sơ của thí sinh dự tuyển; thu lệ phí dự tuyển (nếu có);

b) Lập danh sách trích ngang các thí sinh đủ điều kiện dự tuyển cùng hồ sơ hợp lệ của thí sinh gửi tới tiểu ban chuyên môn;

c) Tiếp nhận kết quả đánh giá xét tuyển của các tiểu ban chuyên môn, tổng hợp trình Hội đồng tuyển sinh xem xét;

d) Gửi Quyết định phê duyệt danh sách thí sinh trúng tuyển cho các ứng viên;

đ) Trách nhiệm của Trưởng ban Thư ký: Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh trong việc điều hành công tác của Ban Thư ký.

4. Tiểu ban chuyên môn

a) Căn cứ hồ sơ dự tuyển, chuyên ngành và hướng nghiên cứu của các thí sinh, Phụ trách Bộ phận đào tạo, phòng KH-HTQT-ĐT đề xuất các tiểu ban chuyên môn và thành viên của từng tiểu ban chuyên môn xét tuyển nghiên cứu sinh trình Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh quyết định;

b) Tiểu ban chuyên môn xét tuyển nghiên cứu sinh có ít nhất 05 người có trình độ Tiến sĩ trở lên, am hiểu lĩnh vực và vấn đề dự định nghiên cứu của thí sinh. Thành viên Tiểu ban chuyên môn có thể là những chuyên gia trong và ngoài Viện. Thành phần Tiểu ban chuyên môn gồm có Trưởng tiểu ban và các thành viên tiểu ban.

c) Tiểu ban chuyên môn có trách nhiệm tổ chức xem xét đánh giá hồ sơ dự tuyển, đề cương nghiên cứu, khả năng nghiên cứu của nghiên cứu sinh, xác định tên đề tài, đề xuất người hướng dẫn chính thức, xếp loại các thí sinh dự tuyển theo

mức độ xuất sắc, khá, trung bình hoặc không tuyển; gửi kết quả về Ban Thư ký tổng hợp báo cáo Hội đồng tuyển sinh.

d) Những người có quan hệ cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị hoặc em ruột với người tham gia dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ trong cùng đợt tuyển sinh không được tham gia công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và là thành viên của các hội đồng.

e) Tiểu ban chuyên môn không tổ chức họp nếu vắng Trưởng tiểu ban, thư ký hoặc vắng từ 02 ủy viên trở lên. Tiểu ban chuyên môn tự giải thể sau khi đã hoàn thành nhiệm vụ theo quy chế tuyển sinh.

Điều 12. Quy trình xét tuyển nghiên cứu sinh

1. Thành viên tiểu ban chuyên môn xét tuyển nghiên cứu sinh đánh giá phân loại thí sinh thông qua hồ sơ dự tuyển, kết quả học tập ở trình độ thạc sĩ; trình độ ngoại ngữ; thành tích nghiên cứu khoa học đã có; kinh nghiệm hoạt động chuyên môn; chất lượng bài luận về dự định nghiên cứu; ý kiến nhận xét đánh giá và ủng hộ thí sinh trong thư giới thiệu;

2. Thí sinh trình bày về vấn đề dự định nghiên cứu và kế hoạch thực hiện trước tiểu ban chuyên môn xét tuyển nghiên cứu sinh. Các thành viên Tiểu ban chuyên môn đặt các câu hỏi phỏng vấn để đánh giá thí sinh về các mặt: năng lực kiến thức chuyên môn, sự rõ ràng của mục tiêu, nội dung và phương pháp nghiên cứu; tính mới, tính khả thi về đề tài và kế hoạch nghiên cứu;

3. Căn cứ các yêu cầu đánh giá và thang điểm cho từng nội dung, tiểu ban chuyên môn đánh giá, tổng hợp kết quả đánh giá của các thành viên, lập danh sách thí sinh xếp thứ tự theo điểm đánh giá từ cao xuống thấp và chuyển kết quả về Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh. Tiểu ban chuyên môn phải có văn bản nhận xét, đánh giá phân loại thí sinh về các nội dung này;

4. Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh có trách nhiệm kiểm tra lại hồ sơ dự tuyển, chuyển kết quả xếp loại xét tuyển cho Hội đồng tuyển sinh. Hội đồng tuyển sinh thực hiện xét tuyển và xác định danh sách thí sinh trúng tuyển căn cứ chỉ tiêu tuyển sinh đã được Giám đốc Viện KHTSVN quyết định cho từng chuyên ngành đào tạo và kết quả xếp loại các thí sinh, trình Giám đốc Viện phê duyệt danh sách thí sinh trúng tuyển.

Điều 13. Công nhận nghiên cứu sinh

1. Căn cứ danh sách thí sinh trúng tuyển đã được Giám đốc Viện phê duyệt, Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh gửi giấy thông báo nhập học đến các thí sinh trúng tuyển;

2. Sau khi thí sinh đăng ký nhập học chính thức, Viện KHTSVN ra quyết định công nhận NCS, chuyên ngành, tên đề tài luận án dự kiến, người hướng dẫn, đơn vị chuyên môn quản lý NCS và thời gian đào tạo kèm theo kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa của NCS.

3. Sau 30 ngày kể từ ngày nhập học chính thức, Giám đốc Viện ra quyết định hủy kết quả công nhận NCS đối với những trường hợp không nhập học.

CHƯƠNG III

TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

Điều 14. Tổ chức hoạt động đào tạo

1. Đào tạo trình độ tiến sĩ được triển khai theo hình thức chính quy quy định tại khoản 3 Điều 3 của Quy chế này ở trụ sở chính được phép hoạt động đào tạo của Viện KHTSVN, trừ một số hoạt động khảo sát, nghiên cứu, thí nghiệm hoặc đào tạo trực tuyến có thể được thực hiện ở ngoài Viện KHTSVN.

2. Đối với các cơ sở đào tạo khác có chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ tương đương với chương trình đào tạo tiến sĩ của Viện KHTSVN, kết quả đào tạo những học phần chung có thể được xem xét và công nhận kết quả học tập lẫn nhau khi có thỏa thuận.

3. Được phép tổ chức giảng dạy, đánh giá các học phần, chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan theo hình thức trực tuyến hoặc kết hợp giữa trực tuyến và trực tiếp khi đáp ứng quy định hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và tổ chức đào tạo qua mạng; có giải pháp bảo đảm chất lượng các lớp học này không thấp hơn chất lượng lớp học trực tiếp.

4. Việc đánh giá và tính điểm học phần trong chương trình đào tạo tiến sĩ được áp dụng quy định về đánh giá và tính điểm học phần theo quy chế đào tạo trình độ đại học đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Điều 15. Kế hoạch học tập

Nghiên cứu sinh phải hoàn thành việc lập kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa (có chữ ký của giáo viên hướng dẫn và NCS, đơn vị chuyên môn (nếu có)) và nộp cho bộ phận đào tạo sau khi có quyết định công nhận nghiên cứu sinh để lưu hồ sơ.

Điều 16. Tiểu luận tổng quan, chuyên đề tiến sĩ

Viện KHTSVN ra quyết định giao tiểu luận tổng quan, chuyên đề tiến sĩ cho NCS sau khi NCS nộp kế hoạch học tập toàn khóa. NCS và người hướng dẫn chịu trách nhiệm về tên tiểu luận tổng quan và chuyên đề tiến sĩ theo như bản đăng ký.

Điều 17. Các học phần bổ sung, chuyển đổi

Các học phần bổ sung là các học phần giúp NCS có đủ kiến thức và trình độ chuyên môn để thực hiện nhiệm vụ của NCS:

- Đối với NCS đã có bằng thạc sĩ ngành đúng, ngành phù hợp với ngành dự tuyển: không cần học các học phần bổ sung, chuyển đổi.

- Đối với NCS đã có bằng thạc sĩ ngành gần với ngành dự tuyển: NCS phải hoàn thành tối thiểu 6 tín chỉ các học phần bổ sung, chuyển đổi thuộc các học phần ở trình độ thạc sĩ thuộc ngành, chuyên ngành tương ứng. Các học phần chuyển đổi này có thể được cơ sở đào tạo xem xét học, miễn học trên cơ sở các môn học đã hoàn thành trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ;

- Đối với NCS đã có bằng thạc sĩ ngành khác trong cùng nhóm ngành với ngành dự tuyển: NCS phải học bổ sung những học phần cần thiết tối thiểu 14 tín chỉ, tối đa 28 tín chỉ ở trong hoặc ngoài đơn vị đào tạo giúp NCS có đủ kiến thức và trình độ chuyên môn thực hiện luận án. Các học phần bổ sung này do tiểu ban chuyên môn và/hoặc giảng viên hướng dẫn đề nghị. Kinh phí học bổ sung do NCS tự chi trả cho đơn vị đào tạo theo định mức như các học phần trong chương trình đào tạo.

- Đối với NCS thuộc diện học bổ sung, quá trình tổ chức học tập như sau:

+ NCS đăng ký các môn học bổ sung;

+ Viện KHTSVN sẽ tổ chức học hoặc gửi NCS tới các đơn vị đào tạo khác;

+ NCS phải hoàn thành các phần học bổ sung trong nửa thời gian đầu của khóa học, kể từ ngày được triệu tập trúng tuyển NCS. Nếu không hoàn thành NCS có thể nộp đơn gia hạn tối đa trong 06 tháng. Nếu hết thời gian gia hạn NCS vẫn không hoàn thành, Phụ trách bộ phận đào tạo, Phòng KH-HTQT-ĐT trình Giám đốc Viện quyết định đình chỉ đào tạo, trả NCS về cơ quan hay địa phương cử đi học.

Điều 18. Các học phần ở trình độ tiến sĩ, tiểu luận tổng quan (TLTQ) và các chuyên đề tiến sĩ (CĐTS)

1. Tổ chức giảng dạy, đánh giá các học phần theo các hình thức trực tiếp, trực tuyến hoặc kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến tùy theo điều kiện cụ thể đảm bảo chất lượng các lớp học trực tuyến hoặc kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến không thấp hơn chất lượng lớp học trực tiếp.

2. Việc tổ chức giảng dạy, đánh giá các học phần và các CĐTS và TLTQ của NCS phải đảm bảo các yêu cầu sau đây:

a) Khuyến khích và đòi hỏi chủ động tự học, tự nghiên cứu của NCS;

b) Thực hiện theo quy trình đánh giá khách quan, liên tục trong quá trình đào tạo;

3. Các học phần bắt buộc và tự chọn ở trình độ tiến sĩ áp dụng quy định về đánh giá và tính điểm học phần theo quy chế đào tạo trình độ đại học của Bộ GD&ĐT.

a) Nghiên cứu sinh phải học lại các học phần bắt buộc và tự chọn ở trình độ tiến sĩ trong các trường hợp sau:

- Không đủ điều kiện để dự thi kết thúc học phần;
- Sau khi thi hai lần mà điểm thi học phần không đạt yêu cầu, nếu học phần không đạt yêu cầu là học phần tự chọn thì sau khi thi lần 1, NCS có thể đổi sang học và thi học phần tự chọn khác tương đương;

b) Thủ tục xin học lại được thực hiện như sau

- NCS phải nộp đơn đăng ký học lại hoặc đơn đăng ký đổi sang học phần tự chọn khác tương đương cho bộ phận đào tạo, Phòng KH-HTQT-ĐT trước ngày bắt đầu lịch giảng ít nhất một tuần.
- Bộ phận đào tạo, Phòng KH-HTQT-ĐT kiểm tra, đối chiếu với các trường hợp thuộc diện được học lại để chấp nhận hoặc từ chối đơn xin học lại của NCS và phải thông báo cho NCS biết về việc đơn xin học lại đã được chấp nhận hoặc từ chối.
- Các trường hợp học lại hoặc đổi sang học phần tự chọn tương đương khác đều phải nộp học phí theo quy định đối với các tín chỉ học lại.
- NCS có thể được xem xét, chấp nhận cho học đồng thời các học phần bổ sung và các phần bắt buộc, tự chọn ở trình độ tiến sĩ nếu thời gian học các học phần này không trùng nhau và không ảnh hưởng đến nhau.

4. Việc đánh giá CĐTS và TLTK được thực hiện bằng hình thức chấm điểm bài trình bày của nghiên cứu sinh trước Tiểu ban đánh giá. Trong trường hợp 30 ngày kể từ ngày có quyết định thành lập tiểu ban chấm chuyên đề và tiểu luận tổng quan nhưng chưa thực hiện đánh giá, Tiểu ban tự giải tán và Viện KHTSVN phải tiến hành thủ tục Thành lập tiểu ban chấm mới. Trong trường hợp NCS không hoàn thành CĐTS, TLTK trình tiểu ban đánh giá đúng thời hạn thì NCS phải làm giải trình đề nghị Viện KHTSVN tiến hành thành lập Tiểu ban chấm mới và mọi chi phí liên quan đến tổ chức và đánh giá của Tiểu ban do NCS tự chi trả.

NCS có kết quả đánh giá CĐTS và TLTK không đạt thì phải thực hiện lại nếu có đủ thời gian. Chi phí tổ chức đánh giá do NCS tự chi trả. Thời gian đề nghị thành lập lại Tiểu ban chấm lại sớm nhất là 1 tháng, chậm nhất là 3 tháng kể từ khi họp đánh giá lần đầu.

Tiểu ban đánh giá CĐTS và TLTQ gồm 3 thành viên (Trưởng tiểu ban và các ủy viên) có trình độ tiến sĩ trở lên, có chuyên môn phù hợp với lĩnh vực nghiên cứu của đề tài luận án. Thành viên đánh giá CĐTS và TLTQ là chuyên gia trong, ngoài Viện.

Điều 19. Những thay đổi trong quá trình đào tạo

1. Nghiên cứu sinh và người hướng dẫn được đề xuất với Giám đốc Viện về việc thay đổi đề tài luận án trong nửa đầu thời gian đào tạo thông qua việc gửi đơn đề nghị và văn bản điều chỉnh kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa. Phòng KH-HTQT-ĐT làm thủ tục trình Giám đốc Viện quyết định thành lập tiểu ban chấm đề cương mới gồm 05 thành viên, trong đó có ít nhất 03 thành viên đã tham gia Hội đồng chấm đề cương ban đầu. Căn cứ kết quả chấm đề cương mới của tiểu ban chuyên môn, Giám đốc Viện ra quyết định. Chi phí của Hội đồng do NCS tự chi trả theo định mức trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Viện KHTSVN.

Trong trường hợp chỉ điều chỉnh một số từ trong tên luận án cho phù hợp nhưng không thay đổi nội dung đề tài luận án thì được Hội đồng cơ sở xem xét quyết định.

2. Việc thay đổi tên CĐTS và TLTQ cho phù hợp nhưng không thay đổi nội dung của CĐTS và TLTQ thì được Hội đồng chấm CĐTS và TLTQ xem xét quyết định.

3. Việc bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn thực hiện chậm nhất một năm trước khi NCS bảo vệ luận án; NCS gửi đơn đề nghị thay đổi người hướng dẫn cho bộ phận đào tạo, Phòng KH-HTQT-ĐT. Trong thời gian tối đa 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề xuất bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn, Phụ trách bộ phận đào tạo, Phòng KH-HTQT-ĐT trình Giám đốc Viện xem xét, quyết định. Đối với trường hợp NCS đã hoàn thành trên 2 năm học tập, cơ sở đào tạo không xem xét thay đổi người hướng dẫn, trừ trường hợp đặc biệt.

4. Khi có lý do chính đáng, NCS có thể xin chuyển cơ sở đào tạo với điều kiện thời hạn học tập theo quy định còn ít nhất là một năm, thông qua việc gửi đơn đề nghị và được Viện KHTSVN đồng ý, được cơ sở chuyển đến tiếp nhận và ra quyết định công nhận NCS. Thủ trưởng cơ sở đào tạo chuyển đến quyết định các học phần hoặc các CĐTS mà NCS đó cần bổ sung (nếu có).

Đối với trường hợp NCS của cơ sở đào tạo khác có nguyện vọng chuyển đến Viện để tiếp tục đào tạo, nếu NCS đang theo học ngành đào tạo do Viện đang tổ chức đào tạo, thì sau khi có sự đồng ý của cơ sở đang đào tạo, Giám đốc Viện xem xét, phê duyệt tiếp nhận và ra quyết định công nhận NCS với thời gian đào tạo là thời gian học tập còn lại theo quyết định công nhận NCS của cơ sở đào tạo trước (bao gồm cả thời gian gia hạn nếu có), theo đề nghị của Hội đồng tuyển sinh. Việc

công nhận kết quả học tập đã tích lũy và các học phần mà NCS cần bổ sung (nếu có) do Giám đốc Viện quyết định.

5. NCS được xác định là hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn nếu trong thời hạn quy định, luận án đã được thông qua ở Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở.

Trường hợp NCS không có khả năng hoàn thành chương trình đào tạo đúng thời hạn quy định thì chậm nhất 03 tháng trước khi hết hạn phải làm đơn xin phép gia hạn học tập, có ý kiến của đơn vị cử đi học (nếu có), đơn vị chuyên môn và người hướng dẫn khoa học. Việc gia hạn học tập chỉ giải quyết khi có lý do chính đáng với các điều kiện đảm bảo trong phạm vi thời gian gia hạn NCS hoàn thành được nhiệm vụ học tập, nghiên cứu. NCS có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ phát sinh khi gia hạn theo thông báo của Viện KHTSVN. Thời gian gia hạn không quá 36 tháng.

6. Khi NCS hoàn thành xuất sắc chương trình đào tạo và đề tài nghiên cứu thể hiện ở kết quả nghiên cứu được công bố trên các tạp chí khoa học trong nước hoặc nước ngoài có uy tín, NCS có thể đề nghị được bảo vệ luận án trước thời hạn, nhưng không sớm hơn 01 năm (12 tháng) thời gian đào tạo ghi trong quyết định công nhận NCS, tính đến ngày bảo vệ cấp cơ sở. Viện KHTSVN xem xét quyết định việc bảo vệ sớm căn cứ kết quả học tập và nghiên cứu khoa học của NCS, đề nghị của người hướng dẫn, đề nghị của thủ trưởng đơn vị công tác (nếu có) và ý kiến đánh giá, đề nghị của đơn vị chuyên môn.

7. Khi NCS hết thời gian đào tạo (kể cả thời gian gia hạn nếu có) hoặc đã hoàn thành chương trình đào tạo (kể cả khi NCS bảo vệ sớm trước thời hạn), Viện KHTSVN có văn bản thông báo cho đơn vị cử NCS đi học biết và có đánh giá về kết quả nghiên cứu và thái độ của NCS trong quá trình học tập tại Viện KHTSVN.

8. Sau khi hết thời gian đào tạo, nếu chưa hoàn thành luận án, NCS vẫn có thể tiếp tục thực hiện đề tài luận án và trở lại Viện KHTSVN trình luận án để bảo vệ nếu đề tài luận án và các kết quả nghiên cứu vẫn đảm bảo tính thời sự, giá trị khoa học; được người hướng dẫn, Viện KHTSVN đồng ý. Thời gian tối đa cho phép trình luận án để bảo vệ là 6 năm (72 tháng) kể từ ngày có quyết định công nhận NCS. Quá thời gian này, NCS không được bảo vệ luận án và các kết quả học tập thuộc chương trình đào tạo trình độ Tiến sĩ không được bảo lưu.

9. Nghỉ học tạm thời, cho thôi học, buộc thôi học đối với NCS

a) NCS có nguyện vọng xin nghỉ học tạm thời hoặc xin thôi học phải gửi đơn (có ý kiến của người hướng dẫn) cho bộ phận đào tạo, phòng KH-HTQT-ĐT để trình Giám đốc Viện xem xét quyết định. Phụ trách bộ phận đào tạo, Phòng KH-HTQT-ĐT trình Giám đốc Viện giải quyết cho NCS nghỉ học tạm thời hoặc cho

thôi học trong thời gian 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận được đơn đề nghị của NCS.

b) Nghiên cứu sinh bị buộc thôi học trong những trường hợp sau đây:

- Không hoàn thành chương trình đào tạo trong khoảng thời gian quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 3 của Quy chế này;

- Vi phạm nghiêm trọng quy định về thực hiện trách nhiệm của NCS hoặc quy định của pháp luật đã được hội đồng chuyên môn hoặc cơ quan có thẩm quyền kết luận;

- Vi phạm quy định của cơ sở đào tạo ở mức độ buộc thôi học.

Điều 20. Công nhận và chuyển đổi kết quả học tập, nghiên cứu

1. Kết quả học tập, nghiên cứu của NCS đã tích lũy trong chương trình đào tạo tiến sĩ được bảo lưu, xem xét công nhận, chuyển đổi trong những trường hợp sau:

a) NCS bị thôi học và có nguyện vọng được tiếp tục theo học chương trình đào tạo thạc sĩ ngành tương ứng nếu đáp ứng những quy định của quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ Tiến sĩ hiện hành;

b) NCS chuyển ngành đào tạo hoặc cơ sở đào tạo;

c) NCS đã thôi học, đăng ký dự tuyển lại và được công nhận là NCS mới của cơ sở đào tạo đã theo học.

2. Việc công nhận và chuyển đổi kết quả học tập, nghiên cứu đã tích lũy của NCS phải phù hợp với nội dung, yêu cầu của chương trình đào tạo, được thực hiện trên cơ sở đề xuất của hội đồng chuyên môn. Trường hợp chuyển cơ sở đào tạo hoặc là NCS mới, việc công nhận và chuyển đổi kết quả học tập, nghiên cứu tối đa không quá 50% tổng khối lượng của chương trình đào tạo.

3. Kết quả học tập, nghiên cứu của NCS được bảo lưu trong thời hạn 02 năm kể từ ngày NCS kết thúc việc học tập, nghiên cứu tại Viện KHTSVN theo quy định.

4. Việc công nhận hoặc cho phép chuyển đổi kết quả học tập, nghiên cứu của NCS như sau:

- NCS có đơn đề nghị công nhận và chuyển đổi kết quả học tập gửi bộ phận đào tạo, Phòng KH-HTQT-ĐT kèm theo các giấy tờ, tài liệu chứng minh kết quả học tập, nghiên cứu đã tích lũy trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ của cơ sở đào tạo chuyển đi sau khi có quyết định công nhận NCS.

- Hội đồng chuyên môn và xét công nhận chuyển đổi kết quả học tập cho NCS. Hội đồng chuyên môn gồm 5 thành viên đủ tiêu chuẩn giảng dạy tiến sĩ. Trưởng hội đồng chuyên môn là thành viên có học hàm Giáo sư, phó giáo sư hoặc

học vị tiến sĩ từ 3 năm trở lên. Chi phí của Tiểu ban chuyên môn do NCS tự chi trả theo định mức của Quy chế chi tiêu nội bộ của Viện KHTSVN.

- Căn cứ biên bản họp tiểu ban chuyên môn, Phụ trách bộ phận đào tạo, phòng KH-HTQT-ĐT đề nghị Giám đốc Viện ký quyết định công nhận hoặc cho phép chuyển đổi chuyển đổi kết quả học tập, nghiên cứu đã tích lũy trong chương trình đào tạo tiến sĩ của NCS.

Điều 21. Quyền và trách nhiệm của nghiên cứu sinh trong quá trình đào tạo

1. Thực hiện quyền và trách nhiệm theo quy định tại Điều 32, Chương V, Luật số 125/2025/QH15 Luật Giáo dục Đại học.

2. Xây dựng và đề xuất kế hoạch học tập, nghiên cứu chi tiết từng năm trên cơ sở kế hoạch toàn khóa đã được phê duyệt tại quyết định công nhận NCS, trong đó có kế hoạch làm việc và báo cáo với người hướng dẫn; thực hiện kế hoạch đã được người hướng dẫn và đơn vị chuyên môn thông qua; định kỳ 06 tháng báo cáo tiến độ và kết quả học tập, nghiên cứu cho đơn vị chuyên môn; đề xuất với người hướng dẫn và đơn vị chuyên môn về những thay đổi trong quá trình học tập, nghiên cứu.

3. NCS phải hoàn thành các bài báo khoa học theo quy định tại điểm c, d Khoản 1 Điều 23 quy chế này; tham gia các buổi sinh hoạt khoa học có liên quan đến nghiên cứu của mình ở trong và ngoài Viện KHTSVN; định kỳ báo cáo kết quả học tập, nghiên cứu của mình với người hướng dẫn và đơn vị chuyên môn.

4. Trong quá trình học tập, NCS phải dành thời gian tham gia vào các hoạt động chuyên môn, trợ giảng, nghiên cứu, hướng dẫn sinh viên thực tập hoặc nghiên cứu khoa học tại Viện KHTSVN theo sự phân công của đơn vị chuyên môn;

5. Nghiên cứu sinh phải nộp cho bộ phận đào tạo, Phòng KH-HTQT-ĐT báo cáo kết quả học tập và tiến độ nghiên cứu của mình bao gồm: những học phần, số tín chỉ đã hoàn thành; kết quả nghiên cứu, tình hình công bố kết quả nghiên cứu 2 lần/năm vào tháng 6 và tháng 12;

6. Nghiên cứu sinh không được tìm hiểu hoặc tiếp xúc với phản biện độc lập, không được liên hệ hoặc gặp gỡ với các thành viên Hội đồng cấp Viện trước khi bảo vệ luận án; không được tham gia vào quá trình chuẩn bị tổ chức bảo vệ luận án như đưa hồ sơ luận án đến các thành viên Hội đồng; không được tiếp xúc để lấy các bản nhận xét luận án của các thành viên Hội đồng, các nhà khoa học, các tổ chức khoa học.

7. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Viện KHTSVN về việc thực hiện tiến độ trong kế hoạch đào tạo toàn khóa;

8. Tuân thủ các biện pháp xử lý của Viện KHTSVN trong trường hợp vi phạm tiến độ thực hiện nhiệm vụ của NCS theo kế hoạch đào tạo toàn khóa.

Điều 22. Quyền và trách nhiệm của đơn vị đào tạo

1. Quyền và trách nhiệm của đơn vị quản lý đào tạo

a. Xây dựng quy định chi tiết về tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo, quản lý NCS, về luận án, bảo vệ luận án, cấp bằng tiến sĩ và các hoạt động liên quan đến quá trình đào tạo trình độ tiến sĩ trên cơ sở các quy định của Quy chế này trình Viện KHTSVN quyết định.

b. Xây dựng kế hoạch tuyển sinh hàng năm, tổ chức tuyển sinh hàng năm theo chỉ tiêu đã được xác định và theo quy định tại Chương II của Quy chế này.

c. Đề xuất với Giám đốc Viện ra quyết định công nhận NCS, đề tài nghiên cứu, chuyên ngành đào tạo, người hướng dẫn và thời gian đào tạo, quyết định xử lý những thay đổi trong quá trình đào tạo NCS như thay đổi tên đề tài, người hướng dẫn, thời gian đào tạo, hình thức đào tạo hay chuyển cơ sở đào tạo cho NCS.

d. Quản lý quá trình đào tạo, học tập và nghiên cứu của NCS, quản lý việc thi các học phần, bảng điểm học tập, quản lý việc cấp giấy chứng nhận cho NCS đã hoàn thành chương trình đào tạo, đã bảo vệ luận án tiến sĩ trong thời gian thẩm định luận án, cấp bằng tiến sĩ và quản lý việc cấp bằng tiến sĩ theo quy định hiện hành.

đ. Tham gia tổ chức cho NCS bảo vệ luận án theo quy chế này. Đảm bảo đủ nhân lực có trình độ chuyên môn và nghiệp vụ tốt để thực hiện các nhiệm vụ phục vụ việc bảo vệ luận án của NCS.

e. Công bố công khai, cập nhật và duy trì trên trang web toàn văn luận án, tóm tắt luận án, những điểm mới của luận án (bằng tiếng việt và tiếng anh) từ khi chuẩn bị bảo vệ; danh sách NCS hàng năm; các đề tài nghiên cứu của NCS đang thực hiện, danh sách NCS đã được cấp bằng tiến sĩ.

f. Thực hiện đầy đủ các chế độ báo cáo và lưu trữ;

2. Quyền và trách nhiệm của đơn vị chuyên môn

a. Thông qua kế hoạch học tập và nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh; tạo điều kiện, hỗ trợ, đôn đốc, giám sát và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch; tạo điều kiện về nguồn lực cho NCS thực hiện tốt nhất đề tài luận án.

b. Quản lý NCS trong quá trình học tập và nghiên cứu khoa học tại đơn vị chuyên môn.

c. Tổ chức sinh hoạt khoa học định kỳ, báo cáo tiến độ cho NCS.

d. Thông qua đề nghị của NCS đưa luận án ra đánh giá ở Hội đồng đánh giá luận án ở cấp cơ sở, cấp Viện được quy định tại Khoản 1 Điều 23 Quy chế này.

đ. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của Viện KHTSVN.

3. Quyền và trách nhiệm của đơn vị chuyên môn phối hợp

a. Thông qua kế hoạch học tập và nghiên cứu khoa học của NCS; tạo điều kiện, hỗ trợ, đôn đốc, giám sát và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch; tạo điều kiện về nguồn lực cho NCS thực hiện tốt nhất đề tài luận án.

b. Phối hợp quản lý NCS trong quá trình học tập và nghiên cứu khoa học tại đơn vị.

c. Phối hợp tổ chức sinh hoạt khoa học định kỳ, báo cáo tiến độ cho NCS.

d. Thông qua đề nghị của NCS đưa luận án ra đánh giá ở Hội đồng đánh giá luận án ở cấp cơ sở, cấp Viện được quy định tại Khoản 1 Điều 23 Quy chế này.

4. Quyền và trách nhiệm của Viện KHTSVN

a. Xây dựng và ban hành quy định chi tiết về tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo, quản lý NCS, về luận án, bảo vệ luận án, cấp bằng Tiến sĩ và các hoạt động liên quan đến quá trình đào tạo trình độ Tiến sĩ trên cơ sở của Quy chế này.

b. Xây dựng kế hoạch, chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm của Viện KHTSVN theo từng chuyên ngành đào tạo báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo.

c. Xây dựng chương trình đào tạo, giáo trình, kế hoạch giảng dạy đối với các chuyên ngành được phép đào tạo; lập hồ sơ gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo đăng ký chuyên ngành đào tạo trình độ Tiến sĩ; gửi danh mục các tạp chí khoa học uy tín, có phản biện độc lập mà NCS phải gửi công bố kết quả nghiên cứu theo từng chuyên ngành đào tạo. d. Tổ chức tuyển sinh hàng năm theo chỉ tiêu đã được xác định và theo quy định tại Chương II của Quy định này.

e. Ra quyết định công nhận NCS, đề tài nghiên cứu, chuyên ngành, người hướng dẫn và thời gian đào tạo của NCS; xử lý những thay đổi trong quá trình đào tạo NCS như thay đổi đề tài, người hướng dẫn, thời gian đào tạo, hình thức đào tạo, tiếp nhận hay chuyển cơ sở đào tạo cho NCS.

f. Tổ chức đào tạo theo chương trình đào tạo đã được duyệt. Tạo điều kiện để NCS được đi thực tập, tham gia hội nghị khoa học quốc tế ở nước ngoài.

g. Đảm bảo đủ các điều kiện về nhân lực và cơ sở vật chất cần thiết cho giảng viên, người hướng dẫn, NCS và hội đồng đánh giá luận án (bao gồm cả nhiệm vụ sử dụng công cụ công nghệ thông tin để kiểm tra và rà soát việc sao chép luận án, chuyển kết quả cho Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện để Hội đồng xem xét, đánh giá, kết luận).

h. Tổ chức cho NCS bảo vệ luận án theo quy định của Quy chế này. Đảm bảo đủ nhân lực có trình độ chuyên môn và nghiệp vụ tốt để thực hiện các nhiệm vụ phục vụ việc bảo vệ luận án của NCS.

i. Quản lý quá trình đào tạo, học tập và nghiên cứu của NCS; quản lý việc thi và cấp chứng chỉ các học phần, bảng điểm học tập; cấp giấy chứng nhận cho NCS đã hoàn thành chương trình đào tạo, đã bảo vệ luận án Tiến sĩ trong thời gian thẩm định luận án; đề nghị cấp bằng Tiến sĩ và quản lý việc cấp bằng Tiến sĩ theo quy định hiện hành.

k. Phối hợp với các đơn vị chức năng tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học thường niên; các hội thảo khoa học quốc tế.

l. Tổ chức kiểm tra, thanh tra việc thực hiện quy định về tuyển sinh, đào tạo trình độ tiến sĩ.

CHƯƠNG IV

ĐÁNH GIÁ LUẬN ÁN VÀ CẤP BẰNG TIẾN SĨ

Điều 23. Đánh giá luận án tiến sĩ cấp cơ sở

Việc đánh giá luận án tiến sĩ cấp cơ sở là sinh hoạt khoa học nhằm hỗ trợ NCS hoàn thiện luận án trước khi thực hiện quy trình phản biện độc lập và bảo vệ luận án tại Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện

1. Điều kiện để NCS được đăng ký đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn:

a) Đã hoàn thành các phần học trong chương trình đào tạo tiến sĩ;

b) Có bản thảo luận án tiến sĩ được người hướng dẫn hoặc đồng hướng dẫn đồng ý đề xuất được đánh giá ở cấp cơ sở;

c) Là tác giả chính của báo cáo hội nghị khoa học, bài báo khoa học được công bố trong các ấn phẩm thuộc danh mục WoS/Scopus, hoặc chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tới 0,75 điểm trở lên theo ngành đào tạo, hoặc sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín trong nước và quốc tế phát hành; các công bố phải đạt tổng điểm từ 2,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả), có liên quan và đóng góp quan trọng cho kết quả nghiên cứu được trình bày trong luận án;

d) Yêu cầu tại điểm c khoản này có thể được thay thế bằng minh chứng là tác giả hoặc đồng tác giả của: 01 kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học được cấp

bằng độc quyền sáng chế quốc gia, quốc tế, có liên quan và đóng góp quan trọng cho kết quả nghiên cứu được trình bày trong luận án.

e) Nghiên cứu sinh hiện không trong thời gian bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;

g) Có đơn xin bảo vệ Luận án tiến sĩ của NCS, có chữ ký xác nhận của giáo viên hướng dẫn, đơn vị chuyên môn quản lý NCS và đơn vị chuyên môn phối hợp quản lý NCS (nếu có)

2. Việc đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn là hình thức sinh hoạt khoa học được tổ chức 01 lần hoặc nhiều lần, cho đến khi luận án được đề nghị đưa ra đánh giá ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện; các thành viên của đơn vị chuyên môn, NCS, học viên, sinh viên và những người quan tâm có quyền tham gia (trừ trường hợp luận án bảo vệ theo chế độ mật).

Các thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở phải có nhận xét về luận án trong đó chỉ ra những kết quả mới của luận án, những hạn chế, thiếu sót của luận án và yêu cầu NCS chỉnh sửa, bổ sung.

3. Sau khi NCS đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều này, đơn vị đào tạo đề nghị danh sách ít nhất là 09 thành viên, trong đó có ít nhất 04 thành viên ngoài Viện KHTSVN để trình Giám đốc Viện lựa chọn, ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở ít nhất 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

Hồ sơ đề nghị thành lập hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở gồm có:

a) Công văn đề nghị của đơn vị chuyên môn về danh sách các thành viên tham gia hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở;

b) Văn bản đồng chấp thuận của đồng tác giả về các công trình công bố có liên quan;

c) Phiếu đề nghị được bảo vệ luận án ở đơn vị chuyên môn của NCS có chữ ký người hướng dẫn;

d) Lý lịch khoa học trong thời hạn 6 tháng;

e) Danh mục liệt kê và đính kèm các bài báo đã công bố;

f) Bảy (07) quyền luận án của NCS có chữ ký của NCS và người hướng dẫn;

g) Thành phần đánh giá luận án tiến sĩ cấp cơ sở:

Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở gồm tối thiểu 05 thành viên, có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ trong thời gian 36 tháng trở lên tính từ ngày ra quyết định, có chuyên môn phù hợp với đề tài nghiên cứu hoặc lĩnh vực nghiên cứu của NCS, am hiểu lĩnh vực đề tài nghiên cứu, trong

đó có ít nhất hai thành viên là nhà khoa học ngoài Viện KHTSVN và một thành viên là người hướng dẫn (người hướng dẫn 1 hoặc hướng dẫn 2). Hội đồng gồm chủ tịch, thư ký, hai phản biện và ủy viên hội đồng. Mỗi thành viên hội đồng chỉ đảm nhiệm một trách nhiệm trong Hội đồng. Khuyến khích mời các nhà khoa học có uy tín là người nước ngoài hoặc người Việt Nam ở nước ngoài làm phản biện trong Hội đồng;

h) Luận án được gửi đến các thành viên của Hội đồng trước thời gian tổ chức họp Hội đồng đánh giá ít nhất là 15 ngày làm việc. Các thành viên Hội đồng phải đọc luận án, viết nhận xét và gửi cho thư ký hội đồng trước khi dự phiên họp của Hội đồng đánh giá luận án 07 ngày.

i) Hội đồng không tổ chức họp đánh giá luận án nếu xảy ra một trong những trường hợp sau đây:

- a) Vắng mặt Chủ tịch Hội đồng;
- b) Vắng mặt Thư ký Hội đồng;
- c) Vắng mặt người phản biện có ý kiến không tán thành luận án;
- d) Vắng mặt từ hai thành viên Hội đồng trở lên;
- đ) Nghiên cứu sinh đang bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

7. Thành viên hội đồng phải là người không có quan hệ cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị hoặc em ruột với NCS.

8. Số lượng nhà khoa học tham gia hội đồng đánh giá lần sau (nếu có) phải đảm bảo trùng tối thiểu hai phần ba ($2/3$) với tổng số nhà khoa học được mời nhận xét luận án đã tham gia ở lần đánh giá trước để nhận xét quá trình hoàn thiện luận án của NCS, trong đó, phải có mặt những người có ý kiến chưa đồng ý đưa luận án ra đánh giá ở hội đồng đánh giá luận án cấp Viện.

9. Luận án chỉ được đề nghị đưa ra đánh giá ở hội đồng đánh giá luận án cấp Viện khi có tối thiểu ($3/4$) số thành viên của Hội đồng đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn cuối cùng tán thành (ghi trong nhận xét và phiếu đánh giá luận án).

Người hướng dẫn và NCS tiếp thu và chỉnh sửa luận án theo góp ý của biên bản đánh giá luận án tiến sĩ ở Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở, kèm theo bản giải trình các ý kiến tiếp thu và hoàn thiện luận án của biên bản.

10. Trình tự tiến hành đánh giá luận án cấp cơ sở

- a) Công bố quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án;
- b) Công bố danh sách thành viên có mặt và chương trình làm việc;
- c) Thông qua các điều kiện cần để NCS được bảo vệ luận án;
- d) Trình bày luận án (NCS);

đ) Nhận xét luận án và trao đổi hỏi và đáp với NCS:

- Hai phản biện lần lượt nhận xét và trao đổi với NCS;
- Các thành viên còn lại lần lượt nhận xét và trao đổi với NCS;
- Chủ tịch hội đồng nhận xét và trao đổi với NCS;

e) Nhận xét của người hướng dẫn hay đại diện tập thể người hướng dẫn về quá trình học tập của NCS và kết quả chung của luận án;

g) Hội đồng họp bầu ban kiểm phiếu, bỏ phiếu kín, thảo luận Quyết nghị;

h) Công bố kết quả đánh giá luận án;

i) Thông qua nghị quyết của Hội đồng

k) Phát biểu ý kiến của NCS;

l) Tuyên bố kết thúc buổi bảo vệ.

11. Đơn vị quản lý đào tạo và NCS hoàn thiện hồ sơ đề nghị cho NCS bảo vệ luận án cấp Viện gửi Viện trong thời gian tối đa là 90 ngày kể từ ngày bảo vệ luận án ở Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở để tiến hành thủ tục gửi phản biện độc lập. Quá thời hạn trên, NCS phải làm giải trình lý do chậm trễ, thuyết minh tính thời sự của luận án để Viện xem xét quyết định cho đánh giá lại luận án cấp cơ sở.

12. Quy trình bảo vệ luận án cấp cơ sở

a) NCS nộp các loại văn bản theo quy định tại khoản 3 Điều 23 của Quy chế này về bộ phận đào tạo, Phòng KH-HTQT-ĐT;

b) Giám đốc Viện ra Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp cơ sở cho NCS;

c) Bộ phận đào tạo, Phòng KH-HTQT-ĐT gửi giấy mời đọc, nhận xét luận án, luận án và tuyển tập công trình đã công bố của NCS tới các thành viên trong Hội đồng;

d) Sau khi nhận đủ nhận xét luận án của các thành viên hội đồng, Bộ phận đào tạo, Phòng KH-HTQT-ĐT thông báo đến Chủ tịch và các thành viên Hội đồng, xác định thời gian họp hội đồng;

đ) Bộ phận đào tạo, Phòng KH-HTQT-ĐT gửi giấy mời họp Hội đồng cho các thành viên hội đồng và khách tham dự;

e) Thư ký Hội đồng nhận hồ sơ bảo vệ từ bộ phận đào tạo, Phòng KH-HTQT-ĐT; tổng hợp nhận xét của người phản biện và các thành viên khác trong hội đồng;

f) Trình tự buổi đánh giá luận án cấp cơ sở tuân theo khoản 10 Điều này;

g) Trong thời gian 01 tuần sau buổi bảo vệ, thư ký Hội đồng nộp về bộ phận đào tạo, Phòng KH-HTQT-ĐT: biên bản bảo vệ, phiếu đánh giá luận án, 05 (hoặc 07) phiếu nhận xét luận án của các thành viên Hội đồng, nhận xét của người hướng dẫn;

h) Trong thời hạn 02 tháng, trừ trường hợp đặc biệt, sau buổi bảo vệ được Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở thông qua, NCS nộp về bộ phận đào tạo, Phòng KH-HTQT-ĐT luận án, tóm tắt luận án đã được chỉnh sửa theo góp ý của Hội đồng cấp cơ sở và các hồ sơ thực hiện quy trình phản biện độc lập.

Điều 24. Phản biện độc lập luận án

1. Phản biện độc lập là quy trình bắt buộc trước khi luận án của NCS được đưa ra bảo vệ tại Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện. Chậm nhất không quá 6 tháng, trừ trường hợp đặc biệt, tính từ thời điểm NCS hoàn thành thủ tục trình luận án sau khi đã được hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở thông qua, Viện phải hoàn thành quy trình phản biện độc lập cho NCS; riêng trường hợp phải thực hiện lấy ý kiến phản biện độc lập lần thứ hai theo quy định tại khoản 3 điều này thì thời gian được kéo dài thêm tối đa 03 tháng.

2. Luận án của NCS được gửi lấy ý kiến phản biện của 02 nhà khoa học hoặc chuyên gia không phải là cán bộ của Viện, có chuyên môn phù hợp với đề tài luận án, đáp ứng tiêu chuẩn như đối với người hướng dẫn độc lập quy định tại Điều 5 của Quy chế này. Người phản biện độc lập không có lợi ích liên quan trực tiếp tới NCS và người hướng dẫn, không có quan hệ cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị hoặc em ruột với NCS; không có liên hệ hợp tác, hỗ trợ trực tiếp NCS về chuyên môn liên quan đến nội dung luận án và người hướng dẫn trong quá trình thực hiện luận án, không được là đồng tác giả với NCS trong các công trình công bố có liên quan đến đề tài, luận án, không là cấp dưới trực tiếp của NCS, không sinh hoạt trong cùng đơn vị chuyên môn với NCS. Khuyến khích lấy ý kiến của phản biện độc lập ở nước ngoài.

3. Hồ sơ phản biện độc lập bao gồm:

- 04 quyển luận án hoàn chỉnh (01 quyển luận án đầy đủ thông tin NCS và người hướng dẫn, 03 quyển không bao gồm thông tin NCS và người hướng dẫn);

- 04 quyển tóm tắt luận án tiếng Việt và tiếng Anh (01 tóm tắt luận án tiếng Việt và tiếng Anh đầy đủ thông tin NCS và người hướng dẫn, 03 tóm tắt luận án tiếng Việt và tiếng Anh không bao gồm thông tin NCS và người hướng dẫn);

- 04 quyển danh mục bài báo (01 quyển danh mục bài báo đầy đủ thông tin NCS và người hướng dẫn, 03 quyển không bao gồm thông tin NCS và người hướng dẫn)

- Bản gốc hồ sơ đánh giá luận án tiến sĩ cấp cơ sở (Biên bản, Quyết nghị, Phiếu đánh giá, Biên bản kiểm phiếu và Bản nhận xét của các thành viên Hội đồng);

- Bản giải trình trình bày các ý kiến tiếp thu và hoàn thiện luận án của NCS có xác nhận của người hướng dẫn và các thành viên Hội đồng có ý kiến đề nghị xem lại được ghi trong biên bản Hội đồng.

4. Quy trình lựa chọn, gửi lấy ý kiến và xử lý ý kiến đánh giá luận án của phản biện độc lập:

a) Phụ trách bộ phận đào tạo, Phòng KH-HTQT-ĐT đề xuất danh sách gồm có 03 thành viên (theo thứ tự ưu tiên) bao gồm các nhà khoa học đáp ứng tiêu chuẩn khoản 2 Điều 28, trình Giám đốc Viện chọn mời 02 phản biện độc lập trong danh sách này. Nếu thấy cần thiết, Giám đốc Viện có thể chọn mời người phản biện độc lập ngoài danh sách đề xuất;

b) Người phản biện độc lập có nhiệm vụ nhận xét luận án, tóm tắt luận án, trang thông tin về những điểm mới của luận án và các công trình khoa học đã công bố liên quan đến đề tài luận án của nghiên cứu sinh theo mẫu quy định.

Ý kiến kết luận của phản biện độc lập phải ghi rõ ở một trong năm (05) mức độ: 1) Đồng ý cho bảo vệ ở Hội đồng cấp Viện; 2) Đồng ý cho bảo vệ ở Hội đồng cấp Viện sau chỉnh sửa (không đọc lại luận án sau chỉnh sửa); 3) Đồng ý cho bảo vệ ở Hội đồng cấp Viện sau chỉnh sửa (đọc lại luận án sau chỉnh sửa); 4) Có kết luận sau khi nghiên cứu sinh chỉnh sửa luận án theo góp ý; 5) Không đồng ý đề luận án được đưa ra Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện.

Phản biện độc lập giữ kín thông tin về việc nhận xét luận án và không tiếp xúc với NCS hay người hướng dẫn, không yêu cầu NCS cung cấp thông tin, giải trình ý kiến phản biện. Mọi yêu cầu của phản biện độc lập và giải trình của NCS, người hướng dẫn đều phải thông qua bộ phận đào tạo, Phòng KH-HTQT-ĐT thụ lý hồ sơ.

Trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được tài liệu cần phản biện, người phản biện gửi 2 bản nhận xét (01 bản có ký và ghi rõ họ, tên người phản biện; 01 bản không có thông tin của người phản biện) về cho Viện KHTSVN thông qua bộ phận đào tạo, Phòng KH-HTQT-ĐT. Trong thời hạn 01 tháng tiếp theo kể từ khi kết thúc thời hạn gửi nhận xét phản biện độc lập mà Viện không nhận được nhận xét của phản biện độc lập thì Phụ trách bộ phận đào tạo, phòng KH-HTQT-ĐT báo cáo Giám đốc Viện để mời người phản biện độc lập thay thế.

5. Việc xử lý ý kiến nhận xét luận án của phản biện độc lập được thực hiện như sau:

a) Trường hợp nhận được ý kiến tán thành của cả hai phản biện độc lập.

Bộ phận đào tạo, Phòng KH-HTQT-ĐT sao gửi cho NCS toàn văn bản nhận xét (không có tên của người phản biện độc lập). Trong thời gian không quá 01 tháng, trừ trường hợp đặc biệt, kể từ ngày nhận được nhận xét của phản biện độc lập, NCS phải hoàn chỉnh luận án, tóm tắt luận án và trang thông tin về những đóng góp mới của luận án (có sự đồng ý của người hướng dẫn) và bản giải trình tiếp thu ý kiến của phản biện độc lập (có ý kiến của người hướng dẫn) nộp về bộ phận đào tạo, Phòng KH-HTQT-ĐT. Phụ trách bộ phận đào tạo, Phòng KH-HTQT-ĐT xem xét hồ sơ trình Giám đốc Viện thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện. Giám đốc Viện duyệt trang thông tin về những đóng góp mới của luận án để cho phép đăng tải công khai trên Cổng thông tin điện tử của Viện cùng toàn văn luận án; tóm tắt luận án (bằng tiếng Việt và tiếng Anh).

b) Trường hợp một trong hai phản biện độc lập có ý kiến không tán thành.

Phụ trách bộ phận đào tạo, phòng KH-HTQT-ĐT báo cáo Giám đốc Viện mời người thứ ba phản biện luận án. Nếu phản biện độc lập thứ ba tán thành luận án thì luận án được đưa ra bảo vệ ở cấp Viện.

c) Trường hợp hai phản biện độc lập không tán thành luận án, hoặc phản biện độc lập thứ ba không tán thành, NCS phải chỉnh sửa luận án và đơn vị đào tạo phải tổ chức lại Hội đồng đánh giá luận án ở cấp cơ sở như quy định. NCS chỉ được phép trình lại hồ sơ đề nghị bảo vệ sớm nhất sau ba tháng kể từ ngày từ ngày NCS nhận được ý kiến kết luận không đồng ý của phản biện độc lập.

5. Việc phản biện độc lập phải đảm bảo khách quan và minh bạch. Thông tin, tài liệu về người phản biện độc lập được giữ kín đối với NCS và người hướng dẫn. Đơn vị chuyên môn, đơn vị chuyên môn phối hợp, người hướng dẫn và NCS không được tìm hiểu về phản biện độc lập. Các phản biện độc lập phải có trách nhiệm giữ kín nhiệm vụ, chức trách của mình, kể cả khi đã hoàn thành việc phản biện luận án hay khi tham gia vào Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện;

Điều 25. Hồ sơ đề nghị cho NCS bảo vệ luận án cấp Viện

1. Điều kiện để NCS được bảo vệ luận án ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện

a) Luận án được Hội đồng cấp cơ sở đề nghị được đánh giá ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện;

b) Luận án đạt quy trình phản biện độc lập;

c) Nghiên cứu sinh không trong thời gian thi hành án hình sự, kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên.

2. Hồ sơ đề nghị bảo vệ luận án cấp Viện của NCS gồm:

- 09 quyển luận án đóng bìa mềm, 09 quyển tóm tắt luận án do NCS chuẩn bị;

- Trang thông tin về những điểm mới của luận án bằng tiếng Việt và tiếng Anh có chữ ký của NCS và người hướng dẫn, do NCS chuẩn bị.

- Văn bản đồng ý của các đồng tác giả (nếu có công trình đồng tác giả) do NCS chuẩn bị;

- Văn bản của đơn vị chuyên môn và đơn vị chuyên môn phối hợp (nếu có) đề nghị cho phép NCS được bảo vệ luận án ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện, do NCS chuẩn bị;

- Bản nhận xét của người hướng dẫn hoặc tập thể người hướng dẫn, do NCS chuẩn bị;

- Bản kê khai danh mục và bản chụp những bài báo, công trình công bố liên quan đến đề tài luận án của NCS do NCS chuẩn bị;

- Bản sao quyết định công nhận NCS và quyết định về những thay đổi trong quá trình đào tạo (nếu có) do bộ phận đào tạo Phòng KH-HTQT-ĐT chuẩn bị;

- Bản sao bảng điểm các học phần của chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ, các học phần bổ sung (nếu có), các chuyên đề Tiến sĩ, tiểu luận tổng quan của NCS do bộ phận đào tạo, Phòng KH-HTQT-ĐT chuẩn bị;

- Biên bản chi tiết nội dung thảo luận tại các phiên họp đánh giá luận án cấp cơ sở, có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng và Thư ký do bộ phận đào tạo, Phòng KH-HTQT-ĐT chuẩn bị;

- Giải trình các điểm đã bổ sung và sửa chữa, các nội dung xin bảo lưu ý kiến của NCS sau mỗi phiên họp của Hội đồng cấp cơ sở, có chữ ký xác nhận và đồng ý của Thư ký và Chủ tịch Hội đồng;

- Nhận xét của hai phản biện độc lập (Bản không có thông tin phản biện độc lập) do bộ phận đào tạo, Phòng KH-HTQT-ĐT chuẩn bị;

- Giải trình sửa chữa luận án theo góp ý của phản biện độc lập (nếu có), do bộ phận đào tạo, Phòng KH-HTQT-ĐT chuẩn bị;

- Nhận xét của phản biện và các thành viên trong hội đồng đánh giá luận án cấp Viện do bộ phận đào tạo, Phòng KH-HTQT-ĐT chuẩn bị;

- Các tài liệu khác theo yêu cầu của Viện KHTSVN.

Điều 26. Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện

1. Số lượng thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện tối thiểu có 07 người, trong đó, số thành viên chưa có chức danh giáo sư, phó giáo sư không quá 02 người; số thành viên ngoài cơ sở đào tạo tối thiểu 02 người;

2. Thành phần Hội đồng gồm Chủ tịch, Thư ký, các ủy viên phản biện và ủy viên khác, trong đó có 01 phản biện là người của cơ sở đào tạo và 01 phản biện là

người ngoài cơ sở đào tạo; phản biện không được là đồng tác giả với NCS trong những công bố khoa học có liên quan đến luận án; chủ tịch Hội đồng phải là giáo sư hoặc phó giáo sư ngành phù hợp với chuyên môn của đề tài luận án, là giảng viên hoặc nghiên cứu viên cơ hữu của Viện KHTSVN; 01 người hướng dẫn NCS có thể tham gia Hội đồng với tư cách là ủy viên;

3. Phản biện độc lập của luận án có thể tham gia Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện. Trong đó, không quá 01 phản biện độc lập tiếp tục nhận nhiệm vụ người phản biện cho luận án;

4. Tiêu chuẩn về năng lực nghiên cứu của thành viên Hội đồng như tiêu chuẩn về năng lực nghiên cứu của người hướng dẫn chính, quy định tại Điều 5 trừ thư ký Hội đồng phải đáp ứng quy định như đối với giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ quy định tại Điều 4 của Quy chế này;

5. Thành viên tham gia Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện không có quan hệ cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị hoặc em ruột với NCS.

Điều 27. Yêu cầu, điều kiện tổ chức bảo vệ và đánh giá luận án cấp Viện

1. Trong thời gian tối đa 03 tháng kể từ khi luận án của NCS đạt quy trình phản biện độc lập, trừ trường hợp đặc biệt, Viện KHTSVN có trách nhiệm tổ chức họp Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện;

2. Viện KHTSVN quy định các điều kiện tổ chức cho NCS bảo vệ luận án, đảm bảo nguyên tắc:

a) Thời gian, địa điểm bảo vệ luận án, tóm tắt luận án đã được công bố công khai trên trang web của Viện KHTSVN, trước ngày bảo vệ ít nhất 10 ngày để những người quan tâm có thời gian tìm hiểu luận án và tham dự phiên bảo vệ (trừ các luận án bảo vệ mật);

b) Luận án, tóm tắt luận án đã được gửi đến các thành viên Hội đồng ít nhất 30 ngày trước ngày bảo vệ. Toàn văn luận án; tóm tắt luận án (bằng tiếng Việt và tiếng Anh) và trang thông tin những đóng góp mới về mặt học thuật, lý luận, luận điểm mới về khoa học và thực tiễn của luận án (bằng tiếng Việt và tiếng Anh) đã được đăng tải công khai trên trang web của Viện KHTSVN trước ngày bảo vệ 30 ngày, trừ các đề tài thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh và các đề tài bảo vệ mật;

c) Các thành viên Hội đồng phải có nhận xét về luận án bằng văn bản gửi đến cơ sở đào tạo 10 ngày trước ngày bảo vệ luận án của NCS;

d) Văn bản nhận xét luận án của các thành viên Hội đồng phải đánh giá đầy đủ, cụ thể về bố cục và hình thức của luận án; về nội dung, phương pháp, kết quả, ý nghĩa, độ tin cậy của các kết quả đạt được, trong đó phải nêu bật được những luận điểm mới của luận án;

đ) Không có khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về nội dung khoa học của luận án.

3. Hội đồng không tổ chức họp để đánh giá luận án nếu xảy ra một trong những trường hợp sau đây:

- a) Vắng mặt Chủ tịch hội đồng;
- b) Vắng mặt Thư ký hội đồng;
- c) Vắng mặt Người phản biện có ý kiến không tán thành luận án;
- d) Vắng mặt từ hai thành viên hội đồng trở lên;
- đ) NCS đang bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;
- e) Không đáp ứng một trong các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này;

f) Có 02 nhận xét của các thành viên Hội đồng không tán thành luận án. Trong trường hợp này, Phụ trách bộ phận đào tạo, Phòng KH-HTQT-ĐT đề nghị Hội đồng cơ sở họp cùng với NCS, tập thể người hướng dẫn và các thành viên có nhận xét không tán thành để đề xuất quyết định theo 2 hướng sau:

- NCS chỉnh sửa hoặc bổ sung theo ý kiến của những người có ý kiến không tán thành luận án. Có bản giải trình về những nội dung chỉnh sửa hoặc bổ sung có xác nhận của những người có ý kiến không tán thành nay tán thành luận án;

- Luận án phải được chỉnh sửa và tổ chức bảo vệ lại ở cấp cơ sở. NCS chỉ được phép trình lại hồ sơ đề nghị bảo vệ sớm nhất sau sáu tháng và muộn nhất là hai năm kể từ ngày luận án bị trả lại. Luận án sau khi sửa chữa phải được lấy ý kiến của các phản biện độc lập lần đầu.

4. Giám đốc Viện quyết định về việc thay đổi thành viên Hội đồng chấm luận án trong trường hợp cần thiết và chỉ vì lý do bất khả kháng (như thành viên Hội đồng đi công tác nước ngoài dài hạn, ốm nặng không thể tham gia Hội đồng, hoặc khi có thành viên Hội đồng không đảm bảo các điều kiện yêu cầu quy định). Các thời hạn quy định, liên quan đến hoạt động của các thành viên Hội đồng và việc tổ chức bảo vệ luận án, được tính kể từ ngày ký quyết định cuối cùng về việc thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện;

5. Trường hợp tổ chức đánh giá luận án trực tuyến phải bảo đảm có ít nhất 03 thành viên Hội đồng có mặt trực tiếp cùng NCS; trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh bất khả kháng thực hiện theo hướng dẫn cụ thể của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

6. Trong thời hạn tối đa là 03 tháng kể từ khi có quyết định thành lập, Hội đồng phải tiến hành họp đánh giá luận án cho NCS. Quá thời hạn này, Hội đồng tự giải tán. Sau thời gian này, đơn vị đào tạo phải giải trình lý do và đề nghị Giám đốc Viện ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án lần 2. Trình tự, thủ tục

bảo vệ luận án thực hiện như đối với NCS bảo vệ luận án lần đầu; Không ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá lần thứ ba.

Điều 28. Tổ chức đánh giá luận án

1. Luận án phải được tổ chức bảo vệ công khai. Những đề tài liên quan tới bí mật quốc gia được tổ chức bảo vệ theo quy định tại Điều 29 của Quy định này;

2. Mọi thủ tục chuẩn bị tổ chức buổi đánh giá luận án do bộ phận đào tạo, Phòng KH-HTQT-ĐT thực hiện, NCS và người hướng dẫn không tiếp xúc hoặc liên hệ với thành viên Hội đồng trước buổi đánh giá luận án.

3. Trình tự, thủ tục cần thực hiện trong buổi họp Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện như sau:

a) Tuyên bố lý do, công bố Quyết định của Giám đốc Viện về việc thành lập Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp Viện.

b) Công bố danh sách thành viên Hội đồng có mặt và chương trình làm việc của hội đồng;

c) Thông qua lý lịch khoa học của NCS và các điều kiện cần thiết để NCS được bảo vệ luận án;

d) Các ý kiến thắc mắc về lý lịch khoa học và quá trình đào tạo của NCS (nếu có);

đ) Trình bày luận án (NCS);

e) Hội đồng nhận xét luận án và trao đổi, hỏi đáp với NCS

- Ba (03) phản biện tuân tự nhận xét và trao đổi với NCS

- Các thành viên còn lại tuân tự nhận xét và trao đổi với NCS

- Chủ tịch Hội đồng nhận xét và trao đổi với NCS

- Khách mời trao đổi với NCS;

- NCS trả lời các câu hỏi của các thành viên Hội đồng;

f) Phát biểu bằng văn bản của người hướng dẫn hoặc đại diện tập thể hướng dẫn về quá trình học tập của NCS;

g) Hội đồng họp bầu ban kiểm phiếu, bỏ phiếu kín và thảo luận Quyết nghị;

h) Công bố kết quả đánh giá luận án (Ban kiểm phiếu gồm 3 người, 01 trưởng ban và 02 ủy viên, Chủ tịch hội đồng không tham gia ban kiểm phiếu);

i) Chủ tịch Hội đồng công bố Quyết nghị của Hội đồng về luận án, trong đó nêu rõ: Kết quả bỏ phiếu đánh giá luận án của Hội đồng; Quyết nghị thông qua hoặc không thông qua luận án; Yêu cầu những nội dung phải chỉnh sửa, bổ sung nếu cần thiết trong trường hợp thông qua; Kiến nghị hoặc không kiến nghị tổ chức

đánh giá lại trong trường hợp không thông qua; Những kết luận khoa học cơ bản, những điểm mới, đóng góp mới của luận án; Cơ sở khoa học, độ tin cậy của những luận điểm và những kết luận nêu trong luận án; Ý nghĩa về lý luận, thực tiễn và những đề nghị sử dụng các kết quả nghiên cứu của luận án; Những thiếu sót về nội dung và hình thức của luận án; Mức độ đáp ứng các yêu cầu của luận án; Kiến nghị của Hội đồng về việc công nhận trình độ và cấp bằng Tiến sĩ cho NCS;

k) Các đại biểu và NCS phát biểu ý kiến;

l) Chủ tịch hội đồng tuyên bố kết thúc buổi bảo vệ;

4. Luận án được đánh giá bằng hình thức bỏ phiếu kín. Các thành viên Hội đồng chỉ được bỏ phiếu thông qua hoặc không thông qua. Phiếu trắng được coi là phiếu không tán thành. Luận án được thông qua nếu không có hoặc chỉ có 01 thành viên Hội đồng có mặt tại buổi đánh giá không đồng ý về chuyên môn;

5. Nghị quyết của Hội đồng phải được các thành viên Hội đồng nhất trí thông qua bằng biểu quyết công khai;

6. Biên bản buổi đánh giá luận án cấp Viện được toàn thể thành viên Hội đồng có mặt thông qua và có chữ ký xác nhận của Chủ tịch và Thư ký Hội đồng;

7. Trường hợp Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện tổ chức họp theo hình thức trực tuyến thì quy trình, thủ tục được áp dụng như đối với trường hợp hội đồng họp trực tiếp, toàn bộ buổi họp phải được ghi âm, ghi hình đầy đủ và lưu trữ tại cơ sở đào tạo.

8. Sau khi NCS hoàn thành việc bổ sung, sửa chữa luận án theo Quyết nghị của Hội đồng (nếu có) và có văn bản báo cáo chi tiết về các điểm đã bổ sung, sửa chữa, Chủ tịch Hội đồng có trách nhiệm xem lại luận án và ký xác nhận vào văn bản báo cáo của NCS để lưu tại Viện KHTSVN và nộp cho Thư viện Quốc gia Việt Nam.

Điều 29. Đánh giá luận án theo chế độ mật

1. Trong trường hợp đặc biệt nếu đề tài nghiên cứu liên quan đến bí mật quốc gia, thuộc danh mục bí mật Nhà nước của Bộ, Ngành thì Thủ trưởng Bộ, Ngành có văn bản đề nghị Viện KHTSVN xác định tính chất mật của luận án ngay từ khi bắt đầu triển khai đề sau này có cơ sở xem xét cho luận án bảo vệ theo chế độ mật; quản lý hồ sơ, tài liệu liên quan đến nghiên cứu và thực hiện luận án theo chế độ mật trong suốt quá trình đào tạo. Việc xem xét cho một luận án bảo vệ theo chế độ mật phải được tiến hành trước khi đánh giá luận án ở cấp cơ sở. Viện KHTSVN phải báo cáo và được Bộ Giáo dục và Đào tạo đồng ý bằng văn bản trước khi tổ chức cho NCS bảo vệ luận án theo chế độ mật;

2. Nghiên cứu sinh thực hiện những đề tài luận án được xác định là mật phải đáp ứng những yêu cầu chung đối với NCS, riêng các yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 điều 23 của Quy chế này có thể thay thế bằng những báo cáo nội bộ có giá trị về khoa học và thực tiễn của lĩnh vực nghiên cứu được cơ sở đào tạo xác nhận.

3. Danh sách Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở và cấp Viện, danh sách các cán bộ tham dự ngoài Hội đồng phải được Bộ, Ngành quản lý bí mật đó đề nghị Viện KHTSVN xem xét;

4. Khi tổ chức cho một luận án bảo vệ theo chế độ mật, Viện KHTSVN không phải thông báo công khai về buổi bảo vệ của NCS trên các phương tiện truyền thông. Thời gian và địa điểm bảo vệ chỉ những người có trách nhiệm và những người được phép tham dự biết. Trình tự bảo vệ luận án theo chế độ mật thực hiện như bảo vệ luận án theo chế độ công khai;

5. Số lượng bản thảo luận án và tóm tắt luận án cũng như các bản chính thức phải được xác định và phải đóng dấu mật. Tất cả hồ sơ buổi bảo vệ mật phải được quản lý chặt chẽ theo quy định bảo mật của Nhà nước;

6. Ngoài các quy định tại các khoản 2, 3, 4 của Điều này, người bảo vệ luận án theo chế độ mật vẫn phải thực hiện các quy định chung đối với NCS.

Điều 30. Đánh giá lại luận án cấp Viện

1. Trong trường hợp luận án của NCS không được Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện thông qua ở buổi bảo vệ lần thứ nhất nhưng được Hội đồng kiến nghị cho phép bảo vệ lại, NCS được phép sửa chữa luận án và đề nghị được bảo vệ luận án lần thứ hai trong thời hạn tối đa 06 tháng, kể từ ngày tổ chức họp Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện lần thứ nhất. Quy trình, thủ tục đánh giá luận án cấp Viện lần thứ hai được thực hiện giống như quy trình, thủ tục đánh giá luận án cấp Viện lần thứ nhất.

2. Thành phần Hội đồng đánh giá lại luận án như Hội đồng đánh giá luận án lần thứ nhất. Nếu có thành viên vắng mặt, Viện KHTSVN bổ sung thành viên khác thay thế đảm bảo tối thiểu 03 thành viên đã tham gia hội đồng lần thứ nhất, trong đó có đủ những thành viên có ý kiến không tán thành luận án;

3. Không tổ chức đánh giá lại luận án khi không có kiến nghị của Hội đồng đánh giá luận án lần thứ nhất; không tổ chức đánh giá luận án lần thứ ba;

4. NCS phải tự chi trả toàn bộ các chi phí tổ chức họp hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp Viện lần thứ hai.

Điều 31. Công nhận trình độ và cấp bằng Tiến sĩ

1. NCS được xét công nhận trình độ và cấp bằng Tiến sĩ khi đáp ứng những yêu cầu sau:

a) Luận án của NCS đã được Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện đồng ý thông qua;

b) NCS đã nộp cho bộ phận đào tạo, Phòng KH-HTQT-ĐT (cả bản in và bản điện tử) luận án hoàn chỉnh cuối cùng có chữ ký của NCS, xác nhận của người hướng dẫn; xác nhận Chủ tịch Hội đồng đánh giá luận án sau khi đã hoàn thành chỉnh sửa, bổ sung luận án (nếu có);

c) NCS đã nộp Thư viện Quốc gia Việt Nam (cả bản điện tử và bản in) tóm tắt luận án và toàn văn luận án hoàn chỉnh cuối cùng có chữ ký của NCS, chữ ký của người hướng dẫn và xác nhận của Viện KHTSVN.

2. Bộ phận đào tạo, Phòng KH-HTQT-ĐT đăng toàn văn luận án hoàn chỉnh cuối cùng của NCS trên trang thông tin điện tử Viện KHTSVN (trừ những luận án được đánh giá theo chế độ mật) trong thời gian 03 tháng kể từ khi NCS đáp ứng đủ yêu cầu theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Sau thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này, Viện KHTSVN tổ chức xét và ban hành quyết định công nhận trình độ tiến sĩ cho NCS.

4. Hồ sơ xét cấp bằng Tiến sĩ của nghiên cứu sinh bao gồm:

a) Biên bản của buổi đánh giá luận án tiến sĩ cấp Viện;

b) Quyết nghị đồng ý thông qua luận án của Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện;

c) Biên bản kiểm phiếu, phiếu đánh giá luận án có chữ ký của tất cả thành viên Hội đồng có mặt tại buổi đánh giá luận án;

d) Bản nhận xét, đánh giá của người hướng dẫn NCS; bản xác nhận đã hoàn thành chỉnh sửa, bổ sung luận án của người hướng dẫn và Chủ tịch Hội đồng đánh giá luận án (nếu có);

đ) Giấy biên nhận luận án và tóm tắt luận án của Thư viện Quốc gia Việt Nam;

e) Tờ báo đăng tin hay bản sao chụp bản tin đăng báo ngày bảo vệ (trừ những luận án bảo vệ theo chế độ mật);

f) Bản in trang thông tin những đóng góp mới về mặt học thuật, lý luận của luận án trên trang web của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

g) Các tài liệu khác theo quy định của Viện KHTSVN .

5. Viện KHTSVN thực hiện việc cấp bằng Tiến sĩ cho NCS sau khi ra quyết định công nhận trình độ tiến sĩ có hiệu lực.

Chương V

KIỂM TRA HỒ SƠ QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ THẨM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG LUẬN ÁN

Điều 32. Nguyên tắc chọn kiểm tra, thẩm định và quy trình thực hiện

1. Việc kiểm tra hồ sơ quá trình đào tạo, thẩm định chất lượng luận án do Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện trong những trường hợp sau:

a) Kiểm tra, thẩm định ngẫu nhiên theo yêu cầu của công tác quản lý, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy chế này và những quy định có liên quan;

b) Kiểm tra, thẩm định đối với những trường hợp cụ thể khi có phản ánh, khiếu nại hoặc tố cáo.

2. Danh mục hồ sơ kiểm tra, thẩm định:

a) Kiểm tra quá trình đào tạo: Hồ sơ dự tuyển và quyết định công nhận NCS; hồ sơ buổi đánh giá luận án cấp Viện; hồ sơ xét cấp bằng Tiến sĩ;

b) Thẩm định chất lượng luận án: Luận án tiến sĩ; tóm tắt luận án tiến sĩ; bản sao các công bố kết quả nghiên cứu của NCS.

3. Quy trình kiểm tra, thẩm định:

a) Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo bằng văn bản danh sách những trường hợp cần kiểm tra quá trình đào tạo hoặc thẩm định chất lượng luận án trên cơ sở báo cáo định kỳ của Viện KHTSVN;

b) Viện KHTSVN gửi 01 bộ hồ sơ đối với kiểm tra quá trình đào tạo hoặc 03 bộ hồ sơ đối với thẩm định chất lượng luận án về Bộ Giáo dục và Đào tạo;

c) Bộ Giáo dục và Đào tạo tiến hành kiểm tra, thẩm định và có văn bản thông báo kết quả với cơ sở đào tạo trong thời gian tối đa 60 ngày làm việc kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 33. Xử lý kết quả kiểm tra, thẩm định

1. Kết quả kiểm tra, thẩm định đạt yêu cầu trong những trường hợp sau:

a) Hồ sơ quá trình đào tạo do Viện KHTSVN cung cấp đủ minh chứng bảo đảm việc tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo và quy trình tổ chức đánh giá luận án đáp ứng yêu cầu theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ hiện hành và Quy chế của Viện KHTSVN;

b) Chất lượng luận án được tối thiểu 02 trong 03 nhà khoa học có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư, có bằng tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ, với chuyên môn phù hợp, am hiểu đề tài và lĩnh vực nghiên cứu của NCS thẩm định và có ý kiến đồng ý về chuyên môn.

2. Kết quả kiểm tra, thẩm định không đạt yêu cầu trong những trường hợp sau:

a) Hồ sơ quá trình đào tạo do cơ sở đào tạo cung cấp không đủ minh chứng đáp ứng những quy định về tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo, quy trình tổ chức đánh giá luận án theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ hiện hành và Quy chế của Viện KHTSVN;

b) Chất lượng luận án không được 02 trong 03 nhà khoa học thẩm định đồng ý về chuyên môn.

3. Đối với những trường hợp hồ sơ kiểm tra quá trình đào tạo chưa đạt yêu cầu, cơ sở đào tạo có trách nhiệm giải trình những vấn đề liên quan, bổ sung minh chứng và đề xuất hướng xử lý với Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định hiện hành.

4. Đối với những trường hợp chất lượng luận án không đạt yêu cầu:

a) Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định thành lập Hội đồng thẩm định luận án để xem xét, đánh giá và Quyết nghị về chất lượng luận án; uỷ quyền cho Giám đốc Viện tổ chức họp Hội đồng thẩm định luận án có sự giám sát của đại diện Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) Hội đồng thẩm định có 07 thành viên, trong đó có tối thiểu 03 thành viên không là phản biện độc lập hoặc thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện; những nhà khoa học thẩm định không tán thành luận án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này là thành viên đương nhiên của Hội đồng;

c) Tiêu chuẩn và nhiệm vụ của thành viên Hội đồng thẩm định luận án như tiêu chuẩn và nhiệm vụ của thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện quy tại Điều 26 của Quy chế này;

d) Hội đồng thẩm định luận án chỉ họp khi có mặt tối thiểu 06 thành viên bao gồm Chủ tịch, Thư ký và các thành viên hội đồng có ý kiến không tán thành luận án;

đ) Luận án không đạt yêu cầu thẩm định khi có từ 02 thành viên Hội đồng thẩm định luận án có mặt trở lên không thông qua. Trong trường hợp này, Giám đốc Viện tổ chức và chủ trì đối thoại giữa Hội đồng thẩm định luận án và Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện có sự tham dự của đại diện Bộ Giáo dục và Đào tạo. Số lượng thành viên của hai Hội đồng dự họp tối thiểu là 09 người, trong đó Chủ tịch, phản biện, Thư ký và các thành viên có ý kiến không tán thành của cả hai Hội đồng phải có mặt. Luận án không được thông qua nếu có từ 03 thành viên có mặt tại buổi đối thoại trở lên không tán thành. Kết quả cuộc họp đối thoại là kết quả thẩm định cuối cùng về chất lượng luận án.

5. Trường hợp quá trình đào tạo và chất lượng luận án sau khi thực hiện quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này vẫn không đạt yêu cầu, Giám đốc Viện xem xét, quyết định thực hiện theo các phương án sau:

a) Nếu NCS chưa được cấp bằng Tiến sĩ, cho phép NCS bổ sung, hoàn thiện các điều kiện để được cấp bằng (đối với trường hợp kiểm tra quá trình đào tạo) trong thời gian đào tạo ghi tại quyết định công nhận NCS và bao gồm cả thời gian được phép kéo dài (nếu có); hoặc được đánh giá lại luận án nếu chưa đánh giá lần thứ hai (đối với trường hợp thẩm định chất lượng luận án) trong thời hạn tối đa 06 tháng;

b) Nếu NCS đã được cấp bằng Tiến sĩ, việc thu hồi bằng được thực hiện theo quy định hiện hành và trong những trường hợp: hồ sơ quá trình đào tạo được xác nhận có vi phạm, sai sót nghiêm trọng dẫn đến người được cấp bằng không còn bảo đảm đáp ứng đủ điều kiện dự tuyển, công nhận NCS và duy trì các điều kiện bảo đảm chất lượng trong quá trình học tập và nghiên cứu; sao chép, trích dẫn không đúng quy định trong luận án và bị Hội đồng thẩm định kết luận nếu cắt bỏ những phần sao chép, trích dẫn đó thì luận án không đáp ứng yêu cầu theo quy định tại điểm d, khoản 2, Điều 2 của Quy chế này; luận án của NCS không được Hội đồng thẩm định thông qua theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều này.

6. Trong thời gian tối đa 60 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Bộ Giáo dục và Đào tạo về kết quả kiểm tra, thẩm định cuối cùng hoặc ngày có kết quả cuộc họp đối thoại, Giám đốc Viện có văn bản báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xử lý kết quả kiểm tra, thẩm định kèm theo minh chứng.

CHƯƠNG VI

KHIẾU NẠI, TỔ CÁO, THANH TRA, KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 34. Khiếu nại, tố cáo

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân và người bảo vệ luận án có thể khiếu nại, tố cáo về những vi phạm trong quá trình tuyển sinh, đào tạo, thực hiện luận án, tổ chức bảo vệ và đánh giá luận án, trong thời gian 02 tháng kể từ ngày bảo vệ luận án cấp Viện;

2. Việc khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại tố cáo thực hiện theo quy định của Luật Khiếu nại, tố cáo.

Điều 35. Thanh tra, kiểm tra

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện thanh tra, kiểm tra công tác đào tạo trình độ tiến sĩ của các cơ sở đào tạo theo quy định hiện hành.

2. Nội dung thanh tra, kiểm tra bao gồm công tác tuyển sinh; công tác tổ chức và quản lý hoạt động đào tạo; quy trình tổ chức đánh giá và bảo vệ luận án; cấp bằng tiến sĩ và việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của cơ sở đào tạo. Kết luận thanh tra, kiểm tra và các kiến nghị (nếu có) sẽ được Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo bằng văn bản cho cơ sở đào tạo.

Điều 36. Xử lý vi phạm

1. Trong trường hợp phát hiện có vi phạm trong tuyển sinh, tổ chức và quản lý hoạt động đào tạo, đánh giá luận án và cấp bằng tiến sĩ được xử lý theo quy định hiện hành.

2. Việc thu hồi bằng tiến sĩ được thực hiện theo quy định hiện hành và trong các trường hợp sau:

a) Gian lận trong hồ sơ dự tuyển khiến người được cấp bằng không còn đảm bảo điều kiện dự tuyển và điều kiện công nhận NCS;

b) Sao chép, trích dẫn không đúng quy định trong luận án mà nếu cắt bỏ những nội dung đó thì luận án không đáp ứng yêu cầu quy định tại điều 23 Quy chế này;

c) Luận án không được hội đồng thẩm định thông qua theo quy định tại mục đ, khoản 4, điều 33 Quy chế này.

3. Trong trường hợp NCS bị phát hiện có những vi phạm khác thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị kỷ luật từ khiển trách, cảnh cáo, tạm ngừng học tập, đình chỉ học tập đến thu hồi văn bằng đã được cấp hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

4. Việc xác định luận án vi phạm tại Điểm b, Khoản 2 Điều này thuộc thẩm quyền của Hội đồng thẩm định do Giám đốc Viện thành lập theo quy định tại Khoản 4 Điều 33 Quy chế này.

CHƯƠNG VII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 37. Chế độ lưu trữ, báo cáo và công khai thông tin

1. Viện KHTSVN có trách nhiệm:

a) Hoàn thiện cơ sở dữ liệu nội bộ và cập nhật dữ liệu về đào tạo tiến sĩ trong cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục đại học bao gồm: thông tin tuyển sinh; thông tin của NCS; thông tin của giảng viên và người hướng dẫn; thông tin về kết quả hoạt động khoa học và công nghệ liên quan đến đào tạo tiến sĩ; thông tin về cấp bằng tiến sĩ; tóm tắt và toàn văn luận án hoàn chỉnh của NCS đã nộp Thư viện Quốc gia Việt Nam;

b) Lưu trữ và bảo quản hồ sơ tuyển sinh và quá trình đào tạo và cấp văn bằng của NCS theo quy định pháp luật hiện hành.

2. Vào ngày cuối cùng của các tháng chẵn trong năm, cơ sở đào tạo báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo danh sách NCS đã bảo vệ và luận án đã được thông qua tại Hội đồng đánh giá luận án của cơ sở đào tạo trong 02 tháng trước đó (theo mẫu tại Phụ lục III); thực hiện chế độ báo cáo định kỳ trước ngày 31 tháng 12 hằng năm (theo mẫu tại Phụ lục IV) và báo cáo đột xuất theo yêu cầu.

3. Viện KHTSVN công khai trên trang thông tin điện tử của Viện trước khi tuyển sinh và tổ chức đào tạo:

a) Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Viện và các quy định quản lý đào tạo có liên quan đến tuyển sinh, tổ chức đào tạo và cấp bằng tiến sĩ;

b) Các điều kiện bảo đảm chất lượng theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và những thông tin khác theo quy định.

Điều 38. Hiệu lực thi thành và tổ chức thực hiện

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Phụ trách bộ phận đào tạo, phòng KH-HTQT-ĐT, trưởng các đơn vị, các tổ chức và cá nhân tham gia chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ của Viện KHTSVN có trách nhiệm quán triệt, tổ chức thực hiện nghiêm túc Quy chế này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc các đơn vị có văn bản trình Giám đốc Viện xem xét, bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế, nhưng không trái với Quy chế này.

Điều 39. Quy định chuyển tiếp

1. Đối với các khóa đào tạo tiến sĩ do Viện Nghiên cứu Nuôi trồng thủy sản I (tên đơn vị trước khi hợp nhất thành Viện Khoa học Thủy sản Việt Nam) tuyển sinh trước thời điểm ngày 15/8/2021, việc tổ chức đào tạo và xét tốt nghiệp áp dụng theo Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ Tiến sĩ; và áp dụng điểm c, điểm d Khoản 1 Điều 14 của Thông tư 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ.

2. Đối với các khóa đào tạo tiến sĩ do Viện Nghiên cứu Nuôi trồng thủy sản I (tên đơn vị trước khi hợp nhất thành Viện Khoa học Thủy sản Việt Nam) tuyển sinh kể từ ngày 15/8/2021 đến trước ngày 01/01/2026, công tác quản lý, tổ chức đào tạo và xét tốt nghiệp áp dụng theo Quy chế này.

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 522 /QĐ-VKHTSVN
ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Giám đốc Viện Khoa học Thủy sản Việt Nam)

Phụ lục 1 - Kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa của nghiên cứu sinh**KẾ HOẠCH HỌC TẬP, NGHIÊN CỨU TOÀN KHÓA CỦA NGHIÊN CỨU SINH**

Cơ sở đào tạo:

Họ và tên nghiên cứu sinh:

Tên đề tài:

Ngành đào tạo:

Mã ngành đào tạo:

Năm học	Nội dung học tập, nghiên cứu	Khối lượng học tập, nghiên cứu đăng ký	Kết quả dự kiến
Năm thứ 1	Các phần học bắt buộc (1 học phần)	02 tín chỉ	Điểm kết quả học tập
	Các phần học tự chọn (4 học phần)	08 tín chỉ	Điểm kết quả học tập
	Tiểu luận tổng quan	02 tín chỉ	Tiểu ban chuyên môn chấm điểm đạt
	Thực hiện phần 1 của Luận án	16 tín chỉ	Luận án
	Chuyên đề tiến sĩ 1	02 tín chỉ	Tiểu ban chuyên môn chấm điểm đạt
Năm thứ 2	Tham gia Hội thảo/Seminar/ Viết sách	- Hội thảo trong nước (1 HT x 2 tín chỉ), hoặc - Hội thảo quốc tế (1 HT x 4 tín chỉ), hoặc - Viết sách (1 sách x 2 tín chỉ)	Trình bày (oral) tại Hội thảo/ Seminar (có Giấy chứng nhận tham gia)/ Sách được xuất bản
	Chuyên đề tiến sĩ 2	02 tín chỉ	Tiểu ban chuyên môn chấm điểm đạt
	Thực hiện phần 2 của Luận án	26 tín chỉ	Luận án
Năm thứ 3	Tham gia Hội thảo/Seminar/ Viết sách	- Hội thảo trong nước (1 HT x 2 tín chỉ), hoặc - Viết sách (1 sách x 2 tín chỉ)	Trình bày (oral) tại Hội thảo/ Seminar (có Giấy chứng nhận tham gia)/ Sách được xuất bản
	Thực hiện phần 3 của Luận án	28 tín chỉ	Luận án
	Tổng cộng	90 tín chỉ	

Ngày tháng năm

Giáo viên hướng dẫn 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giáo viên hướng dẫn 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nghiên cứu sinh
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ lục 2 - Danh sách một số chứng chỉ tiếng nước ngoài

**DANH SÁCH MỘT SỐ CHỨNG CHỈ TIẾNG NƯỚC NGOÀI MINH CHỨNG
CHO TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ CỦA NGƯỜI DỰ TUYỂN**

Ngôn ngữ	Bằng/Chứng chỉ/Chứng nhận	Trình độ/Thang điểm
Tiếng Anh	TOEFL iBT	Từ 46 trở lên
	IELTS	Từ 5.5 trở lên
	Cambridge Assessment English	B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill Thang điểm: từ 160 trở lên

Phụ lục 3: Danh sách Nghiên cứu sinh bảo vệ luận án các tháng trong năm

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN KHOA HỌC THỦY SẢN VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm.....

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

DANH SÁCH NGHIÊN CỨU SINH ĐÃ BẢO VỆ LUẬN ÁN TIẾN SĨ
(Tháng ... năm ...)

STT	Họ và tên NCS	Số, ngày quyết định công nhận NCS	Tên đề tài	Ngành, mã số	Ngày bảo vệ luận án tại Hội đồng đánh giá cấp cơ sở	Ngày bảo vệ luận án tại Hội đồng đánh giá của cơ sở đào tạo (cấp Viện)	Kết quả đánh giá	Ghi chú

GIÁM ĐỐC

Phụ lục 4: Công tác đào tạo nghiên cứu sinh định kỳ hàng năm

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN KHOA HỌC THỦY SẢN VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm.....

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

BÁO CÁO ĐỊNH KỲ CÔNG TÁC ĐÀO TẠO NGHIÊN CỨU SINH NĂM

I. Danh sách nghiên cứu sinh học tập, nghiên cứu trong năm ...

STT ¹	Họ và tên NCS	Ngày sinh	Giới tính	Mã số CCCD/ Hộ chiếu	Quốc tịch	Khoá đào tạo ²	Số, ngày quyết định công nhận NCS	Tên người hướng dẫn độc lập hoặc đồng hướng dẫn 1		Tên người đồng hướng dẫn 2 (nếu có)		Đơn vị công tác của người hướng dẫn ngoài cơ sở	Tên đề tài luận án	Ngành, mã số	Tên đề tài luận án sau khi điều chỉnh (nếu có)	Số, ngày quyết định công nhận học vị tiến sĩ
								Công tác tại cơ sở đào tạo	Công tác ngoài cơ sở đào tạo	Công tác tại cơ sở đào tạo	Công tác ngoài cơ sở đào tạo					
1																
2																

¹ Thứ tự NCS được sắp xếp theo nhóm các khoá tuyển sinh.
² Ghi thời gian theo kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khoá (VD: 2021-2024).

II. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy và hướng dẫn NCS

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Quốc tịch	Chức danh khoa học (GS/PGS)	Trình độ	Mã số CCCD/ Hộ chiếu	Số lượng NCS đang hướng dẫn	Số lượng công bố khoa học trong vòng 05 năm ³	Thời gian giảng dạy ở trình độ đại học hoặc thạc sĩ	Danh hiệu Nghệ sĩ Ưu tú hoặc Nghệ sĩ Nhân dân
1											
2											

III. Danh sách các đề tài nghiên cứu khoa học của cơ sở đào tạo gắn với hoạt động đào tạo NCS

STT	Tên đề tài	Cấp phê duyệt	Thời gian thực hiện	Tên NCS tham gia

IV. Tồn tại, hạn chế (nếu có)

V. Nguyên nhân và giải pháp khắc phục

VI. Kiến nghị của cơ sở đào tạo

GIÁM ĐỐC
(Ký tên và đóng dấu)

³ Thuộc danh mục được Hội đồng Giáo sư nhà nước đánh giá 0,75 điểm công trình trở lên.

**Phụ lục 5. Danh sách đơn vị chuyên môn thuộc Viện Khoa học Thủy sản Việt Nam
đủ điều kiện cho NCS nghiên cứu thực hiện LATs (tính đến ngày 31/05/2026)**

TT	Tên Trung tâm	Số lượng GS/PGS/TS			Ghi chú
		GS	PGS	TS	
1.	Trung tâm Nghiên cứu Nuôi trồng thủy sản nước ngọt miền Bắc			3	
2.	Trung tâm Nghiên cứu Nuôi trồng thủy sản nước ngọt miền Trung			2	
3.	Trung tâm Nghiên cứu Nuôi trồng hải sản miền Bắc			3	
4.	Trung tâm Nghiên cứu Nuôi trồng hải sản miền Trung			12	
5.	Trung tâm Nghiên cứu Môi trường và Bệnh thủy sản miền Bắc			5	
6.	Trung tâm Nghiên cứu Môi trường và Bệnh thủy sản miền Trung			4	
7.	Trung tâm Nghiên cứu Môi trường và Bệnh thủy sản miền Nam			2	
8.	Trung tâm Nghiên cứu Công nghệ sinh học Thủy sản		1	2	
9.	Trung tâm Nghiên cứu Dinh dưỡng và Công nghệ thức ăn thủy sản			1	
10.	Trung tâm Nghiên cứu hải sản phía Bắc			17	
11.	Trung tâm Nghiên cứu hải sản phía Nam			1	
12.	Trung tâm Kinh tế và Quy hoạch thủy sản			2	
	Tổng số		1	54	